Năm thứ nhất. — Số 24 Thứ sáu, 21 Novembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (V) — *Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tố*

Truyền-thuyết đời thượng-cổ nước Tàu — *Vệ-Thạch Đào duy-Anh*

Trở lại vấn-đề đọc sách, báo — *Hoa-Bằng*

Lê văn-Lăng (?—1811) — *Nguyễn Triệu*

Lương Thế-Vinh — *Nhật-Nham*

Vụ kiện kỳ-khôi — *Mạnh-Phan*

Trong áo cà-sa (chuyện thơ) — *Tiên-Đàm*

Nói thêm về chuyện « ông Nghè 13 tuổi » — *Long-Điền Nguyễn văn-Minh*

Tiên-du thắng-tích — *Vân-Thạch*

Huyền-Trân công-chúa (đăng trọn) — *Nguyễn Đan-Tâm*

Công-dụng của chim bồ-câu trong cuộc chiến-tranh — *Nhật-Nham*

Phong-dao chia loại và giải nghĩa (V) — *H. B.*

Cuộc rước đuốc — *Phan-kỳ-Nông*

Việt-nam văn-học sử (XIII) — *Hoa-Bằng*

Nhà văn Đông-Châu tạ-thế ! — *Song-Cối*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 — 6 tháng 3$50 — 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Trở lại vấn-đề đọc sách, báo

Việc ấy cần phải gây ngay cho thành thói quen

HOA - BẰNG

TRONG Tri-Tân, số 23, bạn Nhật-Nham đã viết bài cổ-lệ việc đọc sách, báo trong giới thanh-niên và nhi-đồng. Sau khi bài ấy đã ra, nhiều bạn cho rằng ý đó rất thích hợp với hiện-tình xã-hội.

Phải, người mình bấy nay vẫn tự mạng là nước « văn hiến », thế mà nói đến sự thực, thì ôi, mỉa-mai, phần đông đã coi sách-vở báo-chí như vật « phí tiền không đáng mua, chuốc » !

Một nhà văn ta mới qua đời có nói câu này, tôi cho là một khoái-ngữ : « *Suốt đời thù ghét nhất chiếc tủ chè* ! » Vì nhà văn ấy thấy phần đông người mình, nhà nào cũng có chiếc tủ chè ! Vậy nên ông ta mới thốt ra câu ấy khi nghĩ rằng : Sao người ta không sắm trước lấy cái tủ đựng sách, báo mà cứ phải theo cái « sáo » nghìn năm là sắm chiếc tủ chè ! Tủ chè ! ngươi thật là cái tiêu-biểu cho cuộc sinh-hoạt trưởng-giả ! Tủ chè ! ngươi thật là cái vật tượng-trưng cho bộ óc rỗng tuếch !

Tôi, dẫu nặng lòng yêu bà-con đến đâu, dẫu trung-thành với cái thuyết « tốt đẹp phô ra, xấu-xa đậy lại » đến đâu, cũng phải thừa-nhận rằng người mình, nhất là ngoài Bắc, chưa có thói quen mua sách, báo, ham đọc sách, báo !

Một ông kia có đến sáu, bảy chiếc nhà gạch và hàng trăm mẫu ruộng, thế mà nói đến việc mua một bộ sách độ vài chục bạc, thì ông ấy cho là một món tiêu « phi thường », nên cứ lần-trần và chùng-chình mãi !

Lại một ông nữa, riêng những đồ chơi và đồ bài-trí trong nhà có đến hàng vạn bạc, thế mà ông ấy đang tâm từ-chối một tờ báo đứng-đắn do người bà-con gửi đến giới-thiệu mua !

Cái óc « hiếu-thượng » và cách dùng đồng tiền của họ thật vượt ra ngoài trí ta tưởng-tượng !

◆

Trong gia-đình, nếu con cái thường được tiếp-xúc với sách-vở báo-chí, sẽ nảy được cái hứng-thú ham-thích đồ-thư, rồi trong chỗ không ngờ, tự-nhiên họ sẽ lượm nhặt được bao trí-thức ở trong cái kho thiêng-liêng quí-báu ấy.

Phàm gia-đình nào có đủ Từ-điển, Bách-khoa toàn-thư và các thứ sách báo có ích, thì con cái nhà ấy thường lợi-dụng được những mẩu thì-giờ rất dễ pha-phí mà tự học lấy. Sự giáo-dục bằng cách mua sách báo ấy sẽ có một thứ đại-giá cao-quí vô cùng.

Vả, trong nhà có các thứ sách, báo tốt, tất có thể trang hoàng được một cách nhã nhặn, đẹp-đẽ theo về mỹ-thuật, sẽ làm cho con cái vui thích mà ở trong nhà. Trái lại, con cái những nhà sao-nhãng về sự giáo-dục bằng sách, báo thường hay chán ghét gia-đình, ra ngoài tìm thú mua vui, tất bị cám-dỗ làm xằng, sa vào cạm bẫy nguy-hiểm !

Nếu vì cảnh-ngộ bó-buộc, vật-lực không đủ, bạn không thể cho con cái theo học lên bực cao được thì bạn nên mua những thứ sách, báo có giá-trị cho con cái đọc. Ngày chứa, tháng dòn, nước chảy mòn đá, chẳng bao lâu, con cái bạn có thể từ địa-vị hiện đứng mà bước lên trình-độ cao hơn được.

Mùa rét đã đến ! Gió lạnh đang ngăm-đe những người có bộ đồ nỉ đã tàng !

Thời-giá hàng-hóa vẫn cao ! Nhiều người đang băn-khoăn về nỗi giày-dép sắp hỏng !

Đừng ngại ! Quần áo có lam-lũ, giày có rách vá, cũng chẳng sao, vì nó chỉ là những cái bề ngoài. Các bạn nên tiết-kiệm về phần vật-chất. Nhưng, về mặt tinh-thần, việc mua sách, báo, muôn vàn chớ nên hà tiện !

Mặc bộ đồ tầm-thường, đi đôi giày cũ vá, nhưng trong nhà bạn có đủ sách-vở báo-chí cho con cái đọc, thế là bạn đã tỏ ra được lòng hi-sinh cao quí của bạn đối với gia-đình.

Nhà chính-khách Mỹ Henri Clay (1777-1852) chỉ là con bà thợ giặt. Sở dĩ thành danh, là nhờ bà mẹ biết cách giáo - dưỡng. Người ta nói : Henri Clay khi còn nhỏ, bà mẹ, với hai bàn tay tần tảo, giặt mướn, làm thuê, nhưng vẫn dành-giụm chắt-lót, bớt tiền để mua sách vở cho con, nên con mới thành tài được như thế.

◆

Nhiều người cứ phàn-nàn rằng mình bận, không có thì-giờ đọc sách, báo. Nói vậy là chưa nghĩ kỹ. Bận ? Ở đời máy-móc này, ai chẳng bận ? Nhưng nếu biết xếp-đặt công-việc, làm gì cũng

Xem tiếp trang 23

Truyền - thuyết đời Thượng-cổ nước Tàu

Vệ-thạch ĐÀO DUY-ANH

THẦN - THOẠI xưa của Trung-quốc cho rằng buổi đầu hỗn-mang chưa chia trời đất, thì chỉ có một khối lộn-xộn như cái trứng. Ông Bàn-cổ tự trong ấy sinh ra, được chừng 18.000 năm thì trời đất mới khai tịch. Về sau, trời càng ngày càng cao, đất càng ngày càng dày, Bàn-cổ một ngày một lớn. Đó là thần-thoại khai thiên, tịch địa vậy.

Tiếp theo Bàn-cổ có đời Tam Hoàng. Thuyết Tam Hoàng, nhiều nhà chủ - trương khác nhau. Theo sách *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên thì Tam-Hoàng là Thiên-hoàng, Địa-hoàng, Tần-hoàng (tức là Nhân-hoàng). Theo bài tựa sách *Xuân-thu mệnh-lịch* thì Thiên-hoàng có 20 anh em, mỗi người lập 18.000 năm ; Địa-hoàng một họ gồm 11 người, cũng lập mỗi người 18.000 năm ; Nhân-hoàng gồm 150 đời, cộng là 45.600 năm. Sách *Thượng-thư đại-truyện* lại cho Tam-hoàng là Toại-nhân, Phục-hy và Thần-nông.

Tiếp theo Tam-Hoàng thì có Ngũ-Đế, cũng có nhiều thuyết khác nhau. Theo sách *Sử-ký* thì Ngũ - Đế là Hoàng - đế, Chuyên - Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn.

Tam Hoàng Ngũ-Đế đều là nhân-vật thần - thoại. Nhưng đem so với lịch-sử tiến-hóa của loài người thì ta thấy các thần thoại ấy rất có ý-nghĩa.

Buổi đầu vũ trụ thế nào ? Ức-thuyết khoa-học chỉ cho ta biết rằng trước khi có địa-cầu thì ở trong khoảng thái-không có một đám khí thể gọi là tinh-vân (nébuleuse), vì có sức nóng xung-động, cho nên xoay vần không dứt. Đám tinh-vân ấy càng xoay vần, nhiệt độ càng bớt xuống, có phần thì kết đông lại ở trung-tâm mà thành thái-dương (mặt trời), có phần thì tan lìa ra chu vi mà thành các hành-tinh và địa-cầu. Ta có thể coi thời-kỳ mà thái-dương-hệ còn là khí-thể là thời-kỳ hỗn-mang buổi đầu trong thần-thoại, thời-kỳ tinh-vân nguội lần mà kết đông lại ở trung tâm để thành thái-dương là lúc Bàn-cổ ra đời ; khi những phần tử nhỏ tan lìa ra chu vi mà thành hành tinh và địa cầu là lúc khai thiên, tịch địa trong thần-thoại.

Quả đất càng xoay càng nguội, mặt ngoài kết thành vỏ cứng, và dần dần sinh vật xuất hiện rồi đến loài người, ấy là bắt đầu thời kỳ Tam-Hoàng.

Có thuyết cho rằng Thiên-hoàng, Nhân-hoàng và Địa-hoàng tức là Toại-nhân, Phục-hy và Thần-nông. Toại-nhân sinh lửa, lửa do mặt trời sinh nên thác về trời ; Phục-hy xếp đặt việc người nên thác về người ; Thần-nông dạy người làm ruộng nên thác về đất. Toại-nhân (người lấy lửa) dạy người dùng lửa, tức chỉ thời đại người mới phát minh được lửa. Phục-hy (người nuôi súc) kết giây đan lưới, dạy người săn thú và đánh cá, lại dạy người nuôi súc để làm thịt mà nấu ăn, cho nên cũng gọi là Bào-hy (nấu thịt thú) ; đó là chỉ thời đại văn hóa loài người đã do trạng thái đánh cá và săn bắn mà tiến lên trạng thái du mục. Thần-nông thì làm ra cày cuốc, dạy dân làm ruộng, họp chợ cho người ta giao dịch ; đó là chỉ thời đại mà văn hóa đã tiến lên đến trình độ canh nông rồi.

Tiếp theo Tam Hoàng là Ngũ Đế. Thực ra thì tên Ngũ Đế không phải là tên vua mà chính là tên các thị-tộc (clan) đời xưa. Thuyết Ngũ Đế là lịch-sử hoang đường của Hán-tộc. Theo truyền - thuyết thì Hoàng-đế là thủy-tổ của Hán-tộc, đánh Xi-vưu là tù-trưởng của Miêu-tộc để chiếm miền lưu-vực sông Hoàng-hà và vào bản bộ Trung - quốc. Ở đời Hoàng-đế, văn hóa đã khá, người ta đã biết dùng xe cộ (Hiên-viên) (1), làm nhà cửa và dệt cửi. Theo một vài nhà tác giả thì Hoàng-đế lãnh đạo Hán-tộc tự phía nam miền Thiên-sơn đến miền Cam - túc vào khoảng giữa thiên-niên kỷ thứ ba trước kỷ-nguyên.

Hai đời Chuyên-Húc và Đế Cốc không thấy truyền có việc gì to lớn.

Đến đời Nghiêu Thuấn thì có việc nhường ngôi : Sử-ký chép rằng vua Nghiêu ở ngôi 70 năm, nhường ngôi cho Tứ-

1) Hoàng-đế cũng có tên là Hiên-viên-Thị.

nhạc, nhưng Tự-nhạc không chịu. Vua Nghiêu bèn xuống lệnh cử người quí thích cùng người ẩn dật. Dân chúng đều cử Ngu Thuấn, vua Nghiêu đem hai con gái gả cho và nhường ngôi. Đời Nghiêu thì Hán-tộc đã dời đến miền Sơn-tây, Sang đời Thuấn thì họ đã chinh-phục được cả miền Hà-nam. Vua Nghiêu họ là Đào-đường, tên ấy hàm có ý nghĩa rằng thời bấy giờ người ta đã biết nung đồ đất.

Bấy giờ có nạn hồng-thủy, vua Nghiêu sai Cổn trị thủy để trừ lụt. Cổn không thành công, Nghiêu bèn giết đi và giao việc ấy cho con Cổn là Vũ. Vũ ra sức suốt 13 năm mới thành công. Sau vua Thuấn thấy Vũ là người có công và có đức, bèn nhường ngôi cho làm thiên-tử. Ở đời vua Vũ là Hán-tộc bắt đầu chinh-phục các đất ở phía nam sông Hoàng-hà.

Vua Vũ ở ngôi 8 năm vì con là Khải vốn là người có đức nên được vua cha truyền ngôi cho. Nhưng sau Khải cũng theo gương cha mà truyền ngôi cho con mình là Thái-khang, thế là gây mối đầu cho chế-độ quân-chủ thế tập.

Xét theo sự thực thì chuyện nhường ngôi là do nhà nho « thác cổ cải chế » mà thêu dệt để ca tụng đời xưa. Thực ra thì ở xã-hội thị-tộc, các thị tộc họp-nhau lại thành bộ-lạc, rồi công-cử một người làm tù-trưởng. Đời ấy còn là chế-độ mẫu-hệ, người cha tuy làm tù trưởng mà con cái của mình không có tư-cách kế tập. Người tù-trưởng phải do công chúng tuyển cử. Đời sau nhân sự công-cử tù-trưởng mà thêu dệt thành việc Nghiêu Thuấn nhường ngôi.

Còn việc vua Vũ truyền tử mà không truyền hiền, tức là tiêu biểu cho cuộc cách-mệnh do mẫu hệ đổi sang phụ-hệ ở đời Hạ vậy.

Từ đời Tam-đại (Hạ, Thương và Chu) về sau thì lịch-sử đã bớt màu vẻ truyền kỳ mà dần dần thành lịch-sử xác thực. Nhưng cứ những điều giải-thích ở trên thì ta thấy những chuyện truyền kỳ không phải do tưởng tượng của người xưa bằng không mà tạo ra cả. Chẳng qua là đời xưa không có văn-tự cùng những cách ghi-chép chắc chắn khác, cho nên những sự thực chỉ do ngôn-ngữ truyền đời nọ sang đời kia, mà càng ngày càng sai lạc đi. Song dẫn sai lạc thế nào nó cũng có còn sót lại ở trong một vài phần thực-tế. Chính là trải qua những sự biến-thiên của sự thực mà những thần-thoại và truyền-thuyết gây thành, cũng chính vì thế mà các thần-thoại và truyền-kỳ vốn có căn cứ ở sự thực chứ không phải là hoàn toàn hoang đường vậy.

Vệ-Thạch ĐÀO-DUY-ANH

Một vụ kiện kỳ-khôi nhất thế-giới

NOÀI các kỷ-lục về thể-thao mà người Mỹ vẫn lấy làm hãnh diện, hiện nay họ có thể khoe-khoang đã trông thấy ở ngay nước họ xảy ra một vụ kiện vô-lý nhất hoàn-cầu.

Một thiếu-nữ, cô Clara Fox, đã thẳng tay đưa Fred, tình-nhân cô, ra trước vành móng ngựa đòi bồi thường.

Ròng-rã trong mươi năm trời, đôi thanh-niên đó đã từng nặng lời thề-ước, những một hai gắn-bó cùng nhau chung sống giữa cảnh gia-đình đầm-ấm. Nay không hiểu vì đâu Fred ra chiều bội-bạc, nỡ lãng quên những lúc hẹn-hò mà quyết tình đoạn-tuyệt!

Cô Clara Fox trách người yêu đã ra chiều rẻ rúng, bèn xin đòi bồi thường năm vạn đô-la, chừng 25 vạn quan, về 1236 chiếc hôn mà cô đã nhẹ dạ tặng cho tình-lang cô khi trước, những lúc cùng nhau âu yếm, tính đồ đồng cô đòi mỗi chiếc hôn 40 đô-la 45.

Trước mặt quan tòa, Fred cực-lực kháng-nghị rằng những chiếc hôn đó chẳng phải là một thứ hàng hóa mà đánh giá từng chiếc một. Chàng khai rằng, nếu cô muốn, chàng sẽ sẵn lòng trả lại 1236 chiếc hôn ngay lập-tức tại tòa!

Ông Chánh án rất phân-vân, không biết định-đoạt ra sao, liền hỏi bến nguyên-đơn sao đã nhớ rất rành-mạch những chiếc hôn đó và lấy gì làm bằng-cớ?

Cô Clara liền tiến tới trước mặt quan tòa, dâng tập nhật-ký mà cô đã biên rất rành-mạch từng ngày một những lúc cô cùng Fred nỉ-non tri-kỷ, cùng các chiếc hôn mà cô đã trao tặng người yêu.

Sau cuộc bình-nghị, tòa xử cho cô được kiện và bên bị phải bồi thường cho cô năm nghìn đô-la. Nghe tuyên án xong, cô Clara liền lầm-bầm một cách hờn giận:

— Như thế mỗi chiếc hôn nhiều lắm mới được 4 đô-la rưỡi!

Thật là một vụ kiện chưa từng thấy và cô Clara đáng được các bạn gái hoan-hô vì đã công nhiên bênh-vực « nữ quyền » một cách đầy-đủ! (*Messidor*)

MẠNH-PHAN thuật

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 5

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XII

Gái quá thì (1)

NỬA đêm sực thức dậy, tiếc cho con người ta rằng : giăng tà xế bóng, nước chảy thâu canh ; ngẩn-ngơ nỗi giây tình cát-cứ, buồn tênh thay cái số lênh-đênh !

Đêm thanh-nhàn tựa gối ngẫm lòng son, tuyết ủ sương sa ngao-ngán phận ; ngày vắng-vẻ đứng soi gương nhăn mặt phấn, mai gầy liễu yếu thở-than tình. Nhớ cô mình xưa, răng nhưng-nhức đen, tóc man-mát chải, khăn lượt chảy rẽ đường ngôi trắng xóa, xinh gớm xinh ghê, yếm the Tàu in trước ngực đỏ lòe, lịch sao lịch vậy ! Cửa cấm, hồng đưa tía dạo, quần chân áo chít mỉa-mai chiều ; lầu cao, phấn đánh gương soi, lược giắt, trâm cài chao-chuốt mãi ; áo the trắng, giây lưng điều bay bướm, dịu-dàng thay nên giá hồng nhan ; bộ nhẫn vàng, hoa tai bạc bảnh-bao, đắm-thắm nhẽ ra chiều thanh - quí. Chẳng ngọc - ngà, nhưng cũng gái thanh-tân, bạn đào-lý há không phường cát-sĩ ? Những mong nhân-duyên đáng phận, tài sắc cho cân ; tiết xuân vừa độ, vườn hạnh gặp tuần.

Xôn-xao mùi huệ bén mùi lan, phải đôi lứa cũng là duyên Tần, Tấn ; dìu-dặt tiếng cầm chen tiếng sắt, vẹn ái-ân cho đẹp phận Chu, Trần. Tốt duyên ra may vớ được đứng anh-hùng, cũng thỏa lục vây màn rủ trướng ; xấu phận nữa gặp phải chàng hàn-sĩ, cho đành khi sửa túi nâng khăn. Ai ngờ rằng mày liễu ủ-ê, mặt hoa ai-ngại, bởi vì ai ngăn đón gió đông, cho nên nỗi dở-dang phận gái ? Buồn-bã nhỉ, giăng thâu bóng lọt, đêm năm canh sáu khắc những mơ-màng ; rầu-rĩ thay, nhị rữa hoa tàn, xuân một khắc nghìn vàng khôn đổi lại !

Trách ông Nguyệt thực là bất-trị, sao cầm giây mà giữ mãi khăng-khăng ; giận chị Hằng đáo-để vô-chừng, không chắp mối để làm chi mãi mãi ? Kìa bắc-lý ngựa xe sầm-sập, mối tình-duyên khen khéo dập dìu ; nọ đông-tường ong bướm xôn-xao, đường lai-vãng rộn đưa mối-lái. Kẻ xui-giục đứa kia nhà phú-túc, ruộng cũng có mà trâu bò cũng có, song mà duyên chẳng ưa, phận chẳng đẹp, mối tơ-tình khôn nhẽ ép lòng nhau ; người mối-manh thằng ấy tính chuyên cần, gánh cũng nên mà cầy cuốc cũng nên, khéo những tuồng vô dáng, giống vô duyên, bia miệng thế có đâu nên phận cải ?

Tuy rằng rủi may là phận cả, dẫu cho kén chọn khỏi giời du ? Kìa Phan, Trần so-le đà mấy độ, ngoài mười năm trâm quạt mới sum-vầy ; nọ Kim, Kiều ghi tạc chắc mười mươi, trượt một bước lửa-hương nên cát-cứ. Tưởng má hồng mà ngao-ngán những vì duyên, đành phận bạc chỉ phàn nàn vì cái số. Không có nhẽ lại đưa vào nơi thảo-dã, vàng lẫn thau chi lụy chú nông-phu ; phỏng bây giờ mà đưa đến công hầu, kim khắc mộc lại e người đố-phụ. Giời đất nhẽ trăm năm đà mấy chốc, nông-nỗi này bởi vì đâu ? Chị em ơi, hai mươi mấy tuổi rồi, tình duyên này ai có thấu ? Những nghĩ tài - tình trong làng nước, ngờ đâu lúng-túng mấy năm giời.

Nhân khi chè chén vui anh em, vậy cũng thở-than vài vần phú.

(Theo *Quốc-âm tùng ký*, của Hải-châu-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 383, quyển hạ, tờ 31 a - 32 b).

XIII

Cung oán

Tươi ủ là giời, có nghĩ đâu ?
Thân này đã hứa chốn cung châu.
Tiếc nghề dạy lấy con em gái,
Vui chuyện khuây cùng đứa chị hầu.
Mở sách ngâm-nga so sự cũ,
Xoang đàn gièo-giắt đỡ cơn sầu,
Duyên mình đã vậy thì dù vậy,
Nhớ đến nghiêm-từ ruột quặn đau.

●

Xuân xanh tiếc nhỉ tháng ngày mau,
Bể ái nguồn ân những ở đâu ?
Mấy tiếng nỉ non đàn cách bức,
Một đôi riu-rít yến bên lầu.
Giời gần sáng hoa ôi-ả,
Bóng về hôm liễu chạm rầu.
Con nhện cớ chi ra trước mắt,
Hay là Hồ-sứ đã sang chầu ?

●

Được chăng là một tiếng vương-nhân,
Lần lữa thôi thì xếp chữ xuân.
Cầm ngọc biếng xoang tay nguề-ngoài,
Cờ tiên càng dở nước bàn thần.
Thủ thi đề oán không ai họa,
Chén rượu tiêu phiền có kẻ ngăn !
Nào phải lâu-đài phong-vị ít,
Lòng nào cay đắng kể muôn phần !

●

Một mình ngày vắng lại canh thâu,
Có thấy chi vui, thấy những rầu !
Bụi lấp đai gương soi đã biếng,

Sương lồng chăn thúy nhắm nào lâu ?
Thẹn lòng với nước khôn gieo lá,
Phải kiếp cùng dê, lọ rắc dâu !
Trẻ mỏ con hầu trưa sớm ấy,
Hương hoa tấp-nập chắc vì đâu ?

●

Cung cấm phong quang xiết mỹ-miều,
Riêng mình ngần cảnh tủi trăm chiều !
Ba xuân hoa nở oanh không nói,
Chín họ giăng tàn quốc hãy kêu.
Thu tới, gió vàng lay chiếc lá,
Đông về, tuyết trắng rặt mùi tiêu.
Long-lanh rằng có tư mùa ấy,
Còn có bao nhiêu, giận bấy nhiêu !
Vò võ phòng tiêu bấy nhẫn nay,
Doành Nhâm khôn tả mặt sầu đầy.
Giăng kề cửa sổ mành còn rủ,
Hoa nở bên đường áo biếng lay(3).
Ngán ngẫm trăm chiều cười nửa miệng,
Ngần-ngơ chín khúc ủ đôi mày.
Xem gương mình hãy yêu mình lắm,
Còn cậy thừa ân cũng có ngày.

◆

Thoắt thấy trà-mi nở bức lan,
Quặn đau-đớn nhỉ khách hoa tàn !
Cây xơ-xác lá vì thơ chép,
Tường quấn hoen vôi những lệ giàn.
Cung Quảng chẳng tiên đơn gối phượng,
Non Vu luống giấc vắt chăn loan.
Hoa vương khéo nhỉ cầm cân mếch,
Chốn tẻ nơi vui, chẳng xẻ-xan,

◆

Khéo ỏi tai thay dế kẽ thềm,
Đã rầu ngày, lại gợi rầu đêm !
Mày tan-tác liễu trôi hằn mực,
Mặt (4) võ-vàng ve sóng bức xiêm.
Hạnh chẳng sương gieo mà ủ dột,
Đào không gió táp hãy run mềm,
Nỗi mình nào biết ai mà tỏ ?
Còn tỏ cho chăng một bóng thiềm !

◆

Gang tấc đền phong cách mấy vời,
Song the quạnh-quẽ cảnh hoa rơi.
Canh tàn nương gối chiêm-bao ngắn,
Xuân muộn buông rèm nước mắt dài.
Cầm dạo lầu-trang sao dở tiếng ?
Thơ gieo doành Ngự khó nên lời !
Giả như nông-nỗi là nhường ấy,
Xin chớ phong thanh ngỏ tới ngoài.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi ca tạp lục* sách viết bằng chữ nôm của Bác-cổ, số AB 296, tờ 1 b-4 b) (5),

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Bài phú này cũng của ông Lê-qui-Đôn, đời Lê Cảnh-hưng, chưa có ai in ra chữ quốc-ngữ. Mong duyệt-giả ngài nào có bản chữ nôm nào khác gửi lại cho chúng tôi để bổ-chính cho đúng.

2) « Tươi ủ là giời, có nghĩ đâu ?» nghĩa là đời người con gái vì như cái hoa, dù tươi dù ủ, cũng là bởi giời, có nghĩ đâu lấy vua mà luống chịu phòng không ? — Xem câu ấy đủ biết văn cổ tuy đơn giản khó hiểu, nhưng vẫn rõ ràng, phải dụng công mới hiểu thấu. Xin nhắc lại rằng bài « Tài-liệu » này không phải làm để dạy học, nhưng cốt để sưu tập những bài văn cổ. Cho nên, trừ câu đầu, giảng nghĩa để cho ai nấy biết thơ ngày xưa tóm tắt biết bao, còn thì không giải thích một câu nào hay một chữ nào cả.

3) Có một bản sao bằng chữ nôm của một người bạn ở tỉnh Hưng-yên viết là : « Hoa nở bên đường gió biếng lay ».

4) Có bản viết là « vóc ».

5) Những bài thơ trên kia truyền lại từ triều Lê, không rõ của ai, chưa thấy đâu in ra quốc-ngữ. Nhiều bài không theo Đường-luật xem thật có vẻ cổ, lời văn thanh thoát ai-oán, tưởng cũng nên sao lại để ghi lấy nền văn cũ nước nhà.

Ô - tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG - PHÁP

1$00 một vé

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Va-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà	0.20
Phật Pháp vỡ lòng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50

Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

SỐ 5

PHONG-DAO

Chia loại và giải nghĩa

HOA-BẰNG

HOẠT-ĐỘNG

NÔNG-DÂN ta xưa nay vẫn có cái tính tốt ai cũng phải thừa nhận : *hoạt - động* ! Hoạt-động đến nỗi người ta đã hình dung khéo léo bằng một câu rất đúng : « Làm hòn đất không kịp giở mình ».

Trong một năm, bọ dường đã thảo sẵn một « chương trình hành-động », rồi cứ theo chương trình ấy, họ « buôn hồng, buôn nhãn, bán thóc, bán bông... » tuy rằng trong đó cũng có những ngày ăn rằm, ăn tết, phí phạn thì giờ và những tháng chơi-bời không chính đáng.

Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.
Tháng tư đong đậu, nấu chè
Ăn tết Đoan-ngọ trở về tháng năm.
Tháng sáu buôn nhãn bán trăm.
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.
Tháng tám chơi đèn kéo quân.
Trở về tháng chín chung chân buôn hồng.
Tháng mười buôn thóc, bán bông.
Tháng một, tháng chạp nên công hoàn toàn.

Nhưng muốn biết cái đức tính hoạt-động của nông-dân, ta phải nhìn vào tận những bàn tay lấm đất, cổ chân ngâm bùn khi họ cày mây, cuốc nguyệt. Họ cho giấc ngủ và bữa ăn đều là những việc phụ thuộc, chỉ làm qua quít cho xong lần, chứ không muốn mất nhiều thì giờ về những việc ấy. Thì giờ trong một ngày, họ muốn dùng nhiều vào công việc làm lụng.

Họ hết sức mỉa mai những kẻ hay ngủ, hay ăn, không chịu hoạt-động : « *Giầu đâu đến kẻ ngủ trưa, có đâu đến kẻ say sưa tối ngày* ! »

Các bạn gái xưa ưa hoạt-động, thường vẫn ghét bọn học trò nho giề-già, lệt-bệt, súng - sính và lười biếng : « *Ai ơi, chớ lấy học trò, dài lưng, tốn vải, ăn no lại nằm* ! »

Người ta đã nghiệm ra rằng, lớp trước, các cụ bà thường thọ hơn các cụ ông và khỏe hơn các bà bây giờ. Đó vì các cụ bà xưa «hay làm», ưa hoạt-động nên thân-thể được mạnh và tuổi thọ tăng cao. Còn các cụ ông xưa và các bà ngày nay thường hay kiều dưỡng, không hoạt động, nên thân-thể gầy yếu và dễ bị tật bệnh hành hạ. Ấy, hoạt-động có ích cho thân-thể là thế. Phải, cái suối thường lưu thông, thì nước không bao giờ thối ; cái then cửa hay gạt đi gạt lại thì nó không mọt mấy khi. Hoạt-động không những nâng nhân phẩm con người lên địa vị cao quí, đáng trọng, mà lại giúp ích cho người ta về phần tinh thần cũng như về mặt thể chất nữa.

◆

Tháng tư đi tậu trâu bò,
Để cho ta lại làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm, ta sẽ vớt ra,
Gánh đi ta ném ruộng ta,
Đến khi lên mạ thì ta nhổ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng đầy vơi còn độ một hai.
Cao thì đóng một gầu giai,
Ruộng thấp thì phải đóng hai gầu sòng.
Chờ cho lúa có đòng-đòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm, hái ra ngoài ruộng ta:
Cắt hái ta đem về nhà,
Phơi khô, quạt sạch, ấy là xong công.

Thề phú. Ta nên phân biệt *mạ* với *cây lúa* : Sau khi gieo thóc giống mọc mộng xuống thửa ruộng đã « đánh ống » rồi, những mầm non do những mộng thóc mọc lên ấy thành những cây xanh rờn, đó gọi là *mạ*. Câu tục ngữ nói : « *Con hư tại mẹ, mạ úa tại trưa* », chính là chỉ về cây *mạ* đó. Khi nhổ mạ lên, người thợ cấy chia ra từng khóm mà cấy. Những khóm ấy tốt lên, thành bụi cây to hơn và cứng hơn, gọi là *lúa*. Rồi những khóm lúa ấy trổ bông, kết quả thành gié thóc. Câu phong dao rằng : « *Khi đi lúa chửa chia bè, khi về lúa đã đỏ hoe đầy đồng* », tức là *lúa* ấy đó.

Gầu là thứ đồ làm ruộng, nhà nông dùng để tát nước. *Gầu giai* là thứ gầu phải hai người cầm bốn giề thừng đứng hai bên mà tát. *Gầu sòng* là thứ gầu treo dưới ba cột gạc bằng tre, chỉ cần một người cầm chuôi gầu múc nước mà tát.

Đòng đòng là bông lúa non mới trổ lên hãy còn thập thò trong bẹ cây lúa.

Liềm khác với *hái*. *Liềm* là thứ đồ dùng để cắt cỏ hay sén lúa. *Hái* chỉ để sén gặt lúa thôi, chứ không dùng để cắt cỏ.

Sau khi gặt lúa đem về, người ta đập cho thóc rụng ra, rồi đem phơi cho thật khô ; bấy giờ mới xúc thóc vào thúng, cắp bên cạnh sườn, giê giê ngọn thóc cho chảy xuống cái nia hứng dưới, còn một người khác thì lấy quạt hòm hay quạt thóc mà quạt cho sạch hết thóc kẹ, sơ rơm và trấu muối. Như thế gọi là *phơi nỏ, quạt sạch*.

Đây tóm thuật thủ tục làm ruộng từ lúc tậu trâu bò cho đến lúc được « rơm lên đống, thóc đồ bồ », kể đã tốn nhiều công trình vất vả. Những cảnh ấy dường như một bức tranh sống và động tả vẽ cuộc sinh hoạt của nông dân : hoặc ngâm thóc giống để gieo mạ, hoặc nhổ mạ để cấy, hoặc tát nước cho lúa, hoặc gặt lúa đem về, hoặc phơi phóng và quạt thóc. Thật là hoạt động luôn tay, không mấy lúc nghỉ. Nhờ sức hoạt động của nhà nông, nhân dân được bát cơm đầy, đất đai được sinh sản màu mỡ... Như vậy cái đức tính hoạt động đáng qui kia ai chẳng phải lớn tiếng ca tụng?

HOA-BẰNG

Chuyện thơ

Trong áo cà-sa...

Sau tiết hạ, ngôi chùa ở làng M. lại lặng-lẽ dưới bóng thông xanh, Cửa tam-quan tuy mở rộng, nhưng Tam-bảo đã khép những cánh giại bằng tre, làm cho cảnh đã tịch-mịch lại tịch mịch thêm.

Hôm ấy là 16 tháng chín, các sư đi hạ đã đâu về đấy cả. Sư cụ thì vừa có người làng mời đi cúng đám. Trong chùa chỉ còn có một sư ông tri khách (tiếp khách), một mụ vãi hộ, tuy là vãi hộ, nhưng người cũng dễ coi. Ấy là không kể hai ba chú tiểu đang bì hục làm việc ở sau chùa.

Lúc ấy, vừa xong ngọ phạn (cơm buổi trưa), ai lo công việc nấy.

Một chú tiểu đi bổ củi, một chú đi gánh nước, còn mụ vãi thì ra trước sân Tam-bảo nhặt những lá vàng mà gặp tiết thu đã lác đác rơi.

Trên thềm Tam-bảo, có một mình sư ông hết đứng lại ngồi, hết ra lại vào, rồi không biết nghĩ-ngợi thế nào, liền ra sân đứng dựa gốc cau, ngắm nghía vãi hộ... Nhưng người tu-hành chẳng nhẽ thả nhời ong bướm như khách tại gia, sư ông bèn đọc ướm mấy câu theo vần yết-hậu :

Nhân khi vắng chiền già,
Yêu nhau chút gọi là...
Mời vãi xuống nhà oản,
Ta...

Vãi hộ đang nhặt lá, thấy sư ông đến gần mình, thơ thẩn rồi đứng dựa gốc cau... Khi nghe thấy đọc vậy, biết ngay có sự « biến-động » lớn trong lòng ; kẻ từ-bi này cũng là người có chút học-thức, vãi vừa làm việc, vừa giả nhời :

Tiếng rằng đã xuất gia,
Còn đeo thói nguyệt hoa !
Sư mô đâu có thế ?
Ma...

Thấy mình bị cự, sư ông giận, đọc luôn :

Quỷ, ai bảo chẳng nghe,
Chủng-chẳng có phen què !
Ở chùa ăn hại oản !
Về...

Thấy sư đã không biết nén lòng dục, lại còn định làm dữ, vãi cũng trỏ vào mặt sư mà giả miếng ngay :

Thế mà tụng kinh, sử !
Nhỏn nhơ mặt cũng như...
Thế mà đeo tràng hạt !
Sư...

Trong khi hai bên đang cãi cọ, chú tiểu sực đi gánh nước từ ngoài Tam-quan vào, hiểu biết sự-tình, cũng vui miệng đọc luôn :

Thấy sự nực cười thay :
Sư ghẹo vãi ban ngày !
Vãi chẳng nghe, sư cáu...
Hay...

Sư ta thấy động, lại gặp chú tiểu xưa nay mình hay hành hạ, vội vàng van lơn kẻo chú về bạch sư cụ thì rầy rà to :

Chú tiểu thực là ngoan,
Làng bảo chớ nói càn,
Mai cho nhiều oản chuối,
Van...

Chừng cũng là tay hay ăn mà không hay làm, lại được sư ông van-lạy, chú tiểu vừa gánh nước vào sân chùa, vừa nói :

Sự biết chẳng mình tôi,
Làng biết nữa đi đời !
Đã van không nói nữa,
Thôi...

Tấn kịch đến đấy hạ màn, mà sư cụ lúc ấy cũng vừa về đến gần cổng chùa. TIÊN ĐÀM

(Thuật theo nhời một nhà *nho*)

Các bạn nên dự :

Một cuộc thi về lịch-sử do báo TRI-TÂN tổ chức

ĐẦU BÀI.— Viết một thiên lịch-sử ký-sự (récit historique) thuộc phạm-vi Nam-sử bất cứ về đời nào, miễn phải là sử-liệu chưa đăng báo bao giờ (inédit).

Đầu bài tùy tác giả lựa lấy :

Hoặc căn cứ vào tài liệu xác đáng trong sử sách, hoặc tới tận nơi danh-thắng có quan-hệ đến lịch-sử mà quan sát, hoặc nhặt lượm tài liệu do các cố-lão kể lại, nhưng phải dẫn sách, chứng phân minh.

THỂ LỆ.— Các bài thi viết vào giấy khổ rộng bằng giấy học trò (papier écolier), viết một mặt, giầy ít nhất 10 trang, nhiều nhất 15 trang, dưới bài ký châm ngôn hay biệt hiệu, còn tên, địa chỉ thì bỏ vào phong bì kèm với bài cho được công bình.— Các bài đều gửi cho :

Ông chủ nhiệm báo TRI-TÂN, 195, Hàng Bông Hanoi.

Ngoài bì nhớ đề « *Dự cuộc thi lịch sử* ».

GIẢI THƯỞNG.— Có ba giải lớn :

Nhất : 25p.00 và hai năm báo Tri-Tân

Nhì : 15p.00 và một năm rưỡi báo Tri-Tân

Ba : 10p.00 và một năm báo Tri-Tân

Ngoài ra còn nhiều giải khuyến khích.

Hạn gửi bài đến 31 Décembre 1941 là hết.

Các bạn yêu thích lịch-sử nên mau mau gửi bài cho kịp.

Xin coi thêm bài nói kỹ về cuộc thi này ở Tri-Tân số 5 trang 10, ra ngày 1—7—41.

Cuộc rước đuốc Angkor - Hanoi

Nguyên-nhân cuộc rước đuốc có từ bao giờ và khởi-thủy ở tại đâu?

Hoa-Nam PHAN KỲ-NÔNG

CUỘC rước đuốc mà Chính-phủ tổ-chức nay mai sẽ làm thức - tỉnh những hạng thanh-niên đang ủy-mị vì tình ươn-hèn hay mê-man trong trụy-lạc.

Tất cả thanh-niên Việt-nam trên giải đất chữ S này hãy đứng cả lên và phải mạnh-mẽ để đón lấy ngọn lửa « Thần » để làm lại cuộc đời — một cuộc đời tươi-đẹp khỏe-mạnh — để phụng sự quốc-gia, xã-hội và để dìu-dắt các con em trên đường tươi-sáng

Cuộc rước đuốc chạy suốt cả xứ, từ Đế-thiên Đế-thích, nơi cố-đô hùng-vĩ nhất Đông-dương đến thành Thăng-long, thủ-phủ của năm xứ.

Ngọn lửa « Thần » đó sẽ truyền hết người nọ sang người kia trên một quãng đường giài 2 ngàn 4 trăm cây số, qua rừng rậm, núi cao, suối sâu, biển cả, đồng xanh bát-ngát hay những đô - thành sầm-uất cùng các làng mạc xa-xăm, hẻo-lánh. Ban đêm, ngọn lửa đó sẽ làm sáng tỏ cả khắp nơi, soi sáng cả tâm-trí nhân-dân, gợi họ hiểu biết nghĩa-vụ để, từ nay, phải sửa lại những lỗi-lầm xưa mà phụng-sự tổ-quốc ..

Cuộc rước đuốc mà cả thế-giới đã dự cho tới lần sau cùng là lần thứ 11 do chính-phủ nước Đức tổ-chức vào năm 1936 phải chạy qua 7 nước và phải dùng tới 3000 lực-sĩ không phân biệt nòi giống, ròng-rã suốt 15 ngày đêm từ thành Olympie — nơi thao-diễn các môn vận-động thời cổ — tới Bá-linh, kinh-đô của nước Đức.

Đừng tưởng rằng, ngày nay, ta mới tổ-chức những cuộc lễ rước đuốc để khánh-thành các môn vận-động hội hoàn-cầu đâu. Những ngày hội thể-thao long-trọng đó đã có từ lâu, từ hai ngàn năm nay, hồi dân tộc Hi-lạp đang cường-thịnh.

Hồi đó, dân Hi-lạp rất văn-minh, nên về mỹ-thuật, văn-chương và nhất là thể-thao, đã làm khuôn-mẫu cho các dân-tộc cả Âu - châu và ảnh hưởng sang cả Á-châu sau khi A-lịch-sơn đại-đế (Alexandre le grand) kéo binh sang Ấn-độ.

Ở Hi-lạp ngay từ thủa thiếu-thời, trẻ nhỏ đã chịu một nền giáo-dục thiên về thể - thao « Người Hi-lạp không cho gì đẹp bằng thân-thể nở-nang » Đức-dục có mà thể-dục không, là một khuyết điểm !

Năm 14 tuổi, tất cả trẻ, ngoài việc học văn-chương, đều phải học tập thể-thao trong các lớp huấn-luyện gọi là « *Palestres* », có các thầy chuyên-môn chỉ-bảo : nào đánh vật, chạy thi, ném đĩa, ném giáo, vân-vân... Khi tập đã hoàn-toàn mới được gọi là trang thiếu-niên « khỏe, đẹp ».

Đến mười tám tuổi là tuổi thành-đinh gọi là « *Ephèbes* ». Tuổi này là tuổi học việc binh, rồi sau đó nhà nước gọi ra lính thì nhập-ngũ.

Vì trọng thể-dục như thế, nên trong các việc tế-lễ, thể-thao là một món trọng-đại. Mỗi năm gặp ngày húy-nhật các thần, đều có tổ chức những ngày hội thể-thao gọi là « *Jeux* ».

Ở Hi-lạp có những ngày vận-động to như sau đây :

1 *Néméens* ở tỉnh Ogolide để kỷ-niệm nhà hiệp-sĩ Hách-cưu-la (Hercule) ;

2 *Isthmiques* ở Corinthe để kỷ-niệm vua Long-vương Poseidon;

3 *Pythiques* ở Delphes để kỷ-niệm thần Thái-dương Appolon;

4 *Olympiques* ở Ells để kỷ-niệm chúa thần Zeus.

Trong 4 ngày hội thể-thao này chỉ có ngày hội *Olympiques* là to hơn cả.

Ngày hội này cứ 4 năm có một lần, nên trong niên-lịch Hi-lạp mỗi kỳ bốn năm gọi là một « Olympiade ». Nhà nước cũng theo lịch ấy.

Vì sao có chữ « Olympiques » ? Theo thần thoại Hi-lạp, thì chúa thần Zeus coi việc sấm chớp, cai-quản các thần, ngự ở trên núi Olympe, cũng có triều-đình, các thần chầu hầu. Vì thế ở tỉnh Olympie có đền thờ thần.

Những ngày hội kỷ-niệm chúa thần Zeus, các lực-sĩ đều tụ-họp ở sân tập gọi là Stade Các lực-sĩ dự cuộc thi đều gọi là *Athlètes*.

Theo sử - gia Pháp Taines, những ngày kỷ-niệm thần thường có đám rước theo thứ tự : đi đầu đám là các vị kỳ-lão chọn trong các cụ già khỏe-mạnh đẹp-đẽ, rồi đến gái đồng-trinh (vierge) con nhà quyền quý, những đại-biểu các tỉnh ở Hi-lạp, rồi tới các thanh đồng mang lễ-vật đựng trong những đĩa và lọ bằng vàng bạc quý giá, kế đến các lực-sĩ, người đi bộ, kẻ cưỡi ngựa hoặc đi xe, sau cùng là dân-chúng mặc áo đẹp đi thị lễ,

Những cuộc hội về thể-thao kỷ-niệm chúa thần, khởi đầu một lực-sĩ đến đền thờ thần ở Olympie hay ở chân núi Olympe lấy lửa ở ban thờ thần, trong đuốc chạy

Xem tiếp trang 14

Số 13

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

KHÔNG những vậy, từ Đinh, Lê sắp đi, văn-học Việt-nam cũng lại chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng họ Lão nữa. Vì chuông Lão-Đam là người ôm cái chủ nghĩa phóng nhiêm, nhà Đinh tỏ ý tôn-sùng đồ-đệ họ Lão: phong Trương Ma-Ni làm Tăng-lục đạo-sĩ, Đặng Huyền-Quang làm Sùng-chân uy-nghi

Vậy biết văn-học bấy giờ chịu chi phối dưới thế-lực cả tam-giáo (Nho, Đạo, Thích), mà đối với Phật-học, lại nhuộm màu sắc thiền gia nhiều hơn.

Còn có điều này rất đáng chú ý: Lối hát trèo (bội) của ta chắc là bắt đầu có từ đời Lê Ngọa-Triều (1005—1009) Vì Sử chép Lê Ngọa-Triều có dùng một kẻ *ưu-nhân* (người trèo) người Tống tên gọi Liêu Thủ-Tâm, để lóc thịt tôi-nhân bằng thứ dao nhụt (1) (mục đích cốt cho người bị giết không mau chết được), làm cho thỏa thích cặp mắt tàn-ngược. Mỗi khi coi trèo, Ngọa-Triều thế nào cũng để những kẻ *khôi-hài* ở bên, khiến những tiếng mình cười đùa với chúng, khỏa lấp mọi lời tâu bàn của kẻ chấp-chính (Coi Đại việt sử ký, Tiền biên, Bản kỷ, quyển 1, tờ 39 b — 40 a; Khâm định Việt sử Chính-biên quyển 2 tờ 2).

Bởi những chữ « *ưu-nhân, khôi-hài* » đó, ta có thể đoán: Lê Ngọa-Triều chắc thích xem trèo, coi bội, nên mới tin dùng tên Liêu Thủ-Tâm. Hằng ngày những lời khôi-hài bông-lơn đã làm vui tai bạo chúa, nên khi coi chầu, vị hôn quân ấy cũng không rời chúng ra được.

Đã thích khôi-hài, lại « nhập-cảng» được người phường trèo, việc làm đó của Lê Ngoại-Triều tất có ảnh-hưởng lớn đến dân chúng. Chắc từ đó lối hát trèo truyền rộng ra mọi nơi, kịch bản cũng dần dần ra mắt khán giả.

Đến đời Lý có người tên gọi Vi Ất, bạn của ông Từ Đạo Hạnh (2), chuyên làm nghề hát trèo (*linh-nhân*). Và có người linh-nhân tên gọi Ngô Toái, được vua Lý Thần-Tông (4) thăng làm thượng-chế ngự-khố thư-gia.

Tiếc rằng đời xa, tài liệu thiếu, ta nay không bởi đâu mà biết được kịch bản của đời bấy giờ có những gì và ra thế nào.

1) Khi thấy kẻ bị hành hình kêu-la rầy rụa, Thủ-Tâm nói bông đùa để cho thêm vui: « Nó không quen chịu chết! »

2) *Thiền-uyển tập anh*, truyện *Từ-Đạo Hạnh*.

3) *Đại-việt sử-ký Tiền biên, Bản-kỷ* quyển 3 tờ 36.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1)

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 80

de Hanoi à la Courtine

(Septembre 1939 — Juin 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p 50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p 50 — Bản quốc âm 2p 50.

Tên các vị đã trả tiền báo

(tiếp theo)

Ô. Ng. chung-Chính Saigon	2 $ 80
đình-Nguyên Nha-trang	2, 80
Cassing, Nhatrang	2, 80
Hoàng đặng-Đại Nhatrang	2, 80
Lê trung-Hậu Nhatrang	5, 50
Đoàn-Phiên Nhatrang	2, 80
Võ đình-Thụy Nhatrang	2, 80
Phạm huy-Bằng Nhatrang	2, 80
Tôn thất-Thuần Ninh hoa	1, 50
Tôn thất-Liêu Ninh hoa	2, 80
Hiên, Ninh hoa	1, 50
Dương ngọc-Hồ, Ninh hoa	1, 50
Thắng-Phát, Ninh hoa	2, 80
Lê tấn-Củ, Ninh hoa	1, 00
Môi, Ninh hòa	1, 50
Bạch cư-Sĩ, Ba ngòi	1, 50
Đinh văn-Vĩnh, Tuy hoa	2, 80
Hưng-Thành, Tuy hòa,	1, 50
H. xuân-Khang Tourane	1, 50
Phan tiên-Hương, Tuy hòa	1, 50
Trần đình-Thúc, Tuy hòa	1, 50
Lê ngọc-Viết, Tuy hòa	2, 80
Trần xuân-Bảo, Tuy hòa	1, 50
Nguyễn-Phong, Tuy hòa	1, 50
Nguyễn đình-Tụy, Tuy hòa	2 80
Nguyễn-Nhất, Tuy hòa	1, 50
Dr Ng tư-Văn, Tuy hòa	1, 50
Chu duy-Đích, Qui nhơn	2, 80
Trung-Thành, Qui nhơn	1, 50
Phước-Thiện, Qui nhơn	1, 50
Ng. cương-Kỷ, Qui nhơn	1, 50
Hồ ký-Quảng, Sud Annam	5, 50
Huỳnh văn-Trấn, —	2, 80
Vương khắc-Đực, —	2, 80

(Còn nữa)

TÙY HỨNG

Thăm hoa vườn ngự

Quỳnh-lâm, yến-ẩm đã ngà say,
Dìu-dặt quản, huyền những ngất-ngây !
Tuấn-mã dong cương vào thượng-uyển
Trăm hoa trăm vẻ sắc phô bày.

Kim-cúc, hồng-nhung với liễu tơ,
Hải đường mơn mởn nép bên bờ,
Thủy-đình in bóng trên hồ biếc,
Vương-giả tươi-cười ghẹo khách thơ !

Huyền điểu tung bay vỗ cánh chào,
Ca mừng hỉ-thước nhảy cành cao,
Lục bảo, hoa hốt, ông nghè mới
Rực-rỡ, hoàng - huy dưới ánh đào.

Thỏa chí nam-nhi tự lập thân,
Đằng giao, khởi phượng đáng văn - nhân,
Thang mây dành sẵn thênh-thênh bước ..
Gặp hội phong - vân thỏa nợ-nần !

Thấp-thoáng hà y, ước... ngóng... mong,
Chu-thần ngấp-nghé đứng xa trông ..
Thì-thầm khúc-khích trong hoa, lá,
Hồi - hộp tìm xuân, má ửng hồng ..

Mải-miết say hoa với sắc, hương,
Vẳng nghe thánh - thót tiếng du-dương :
Đàn cầm ai gẩy trên lầu phượng,
Thầm oán tân-khoa chẳng đoái thương ?

THANH-SƠN

Bên bờ suối

Một buổi sớm dạo chơi bờ suối,
Qua bụi lau tới dưới giặng thông,
Buông tầm con mắt xa trông,
Đầu non đã thấy vầng hồng ló ra.

Những tia nắng lọt qua khe lá,
Nhuộm đốm vàng vách đá rêu xanh.
Cỏ hoa tươi đẹp như tranh,
Đàn chim riu - rít trên cành mỉa - mai.

Tiếng suối chảy bên tai róc-rách
Qua nền nhung cẩm-thạch trong veo.
Thông già mấy dẫy cùng reo,
Lá rừng bay nhẹ theo chiều gió đưa.

VÂN-THẠCH

Qua Loa - thành cảm đề

Gạn hỏi, này đây dấu Cổ loa :
Đìu - hiu cỏ úa, trúc la-đà !
Ngày xưa vương nghiệp nào đâu đó ;
Nửa khối di - tình có thế a ?
Nước chảy vần-vơ hồn Thục-đế ;
Thành xiêu ngluêng-ngả bóng Thường-nga.
Ngọc châu, giếng nước đầy vơi hận !
Ngọn gió heo-may quyện bóng tà...

ĐÀI ĐỨC-TUẤN

Phù Thiên-trường

Lục ám hồng hi bội tịch liêu
Vụ vân thôn, vũ thổ, hoa tiêu !
Trai đường giảng hậu, tăng qui viện ;
Giang quán canh sơ, nguyệt thường kiều
Tam thập tiên-cung hoành dạ tháp,
Bát thiên hương-sái động xuân triều.
Phồ-minh phong-cảnh hồn như tạc,
Phang phất canh tường nhập mộng nhiều.

TRẦN NHÂN-TÔN

Dịch nôm :

Rậm lục, thưa hồng, cảnh vắng tanh,
Mưa lê, mây nuốt, rụng hoa cành !
Sư về trong viện sau khi giảng,
Trăng giãi trên cầu mới điểm canh.
Ba chục cung Tiên cây tháp đặt,
Tám ngàn cõi Phật tiếng trào quanh.
Phồ minh phong-cảnh còn nguyên cũ,
Tưởng nhớ Vua cha mộng dễ thành.

THI-NHÂM dịch

GIỮA lúc Tri-Tân đương tiến bước trên đường văn hóa Việt-nam, đột nhiên chúng tôi được tin buồn : một ngôi văn tinh — Đông-Châu Nguyễn Hữu-Tiến tiên sinh — đã vội rụng !

Tin ấy đập mạnh vào lòng cảm khái khiến chúng tôi không khỏi nhiều nỗi bùi ngùi !

Tiên sinh, người làng Đông-ngạc (Vẽ), huyện Từ-liêm, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông. Hiệu đặt là Đông-Châu, tiên sinh muốn tỏ ý yêu mến quê hương và ghi nhớ nơi rau rốn những kỷ niệm sâu xa đằm thắm...

Nếu chỉ mang trơn cái «tú-tài», đời tiên sinh sẽ cũng chỉ như trăm nghìn ông sinh-đồ khác, chẳng có cái chi để đánh dấu bước đường đời mà tiên sinh đã đi hàng 67 năm lận ! Đằng này không, tiên sinh đã để lại một văn nghiệp đáng cho chúng ta biểu dương, ghi chép.

Juillet 1917 Báo Nam-Phong ra đời. Cây bút « Đông-Châu » góp vào bộ phận biên tập. Công việc của tiên sinh hầu hết là dịch thuật :

Về sử sách ta, tiên sinh có dịch những mục như *Danh thần lục* (lược dịch *Đại Nam liệt truyện*) *Tồn cổ lục* (dịch *Vũ trung tùy but* của Phạm Đình-Hổ)

Trong loại dịch sách Tàu, có mấy thiên này rất đáng chú ý :

Lược ký về lịch sử nước Tàu (N.P. janvier — avril, 1928). Nhờ dịch phẩm này của tiên-sinh, nhiều bạn thanh-niên tân học được biết đại lược về sử Tàu, tức là môn Bắc-sử mà trong chương trình thi Hương đã bị Hội-đồng cải cách học vụ ép sĩ tử phải « ly dị » no từ sau năm 1908

Văn học sử nước Tàu (N P., février — octobre 1922 Tiên-sinh dịch theo nguyên văn chữ hán của Vương Mộng - Tăng, giới-thiệu cho độc-giả Nam - Phong biết qua đại cương về văn học Trung-hoa là món mà ít bạn thanh-niên tân học biết đến.

Lịch-sử luân-lý học nước Tàu (N. P., avril 1920 — avril 1921). Trong đó tiên sinh giới thiệu cho độc giả biết đến những nhà luân lý học Trung-hoa như Hoài-nam-tử, Đổng-trọng-thư, Dương-Hùng, v. v. khiến những người không đọc được cuốn nguyên văn chữ hán của Sái-Chấn, *Trung-quốc luân-lý học sử*, cũng có thể thiệp lịp được món luân-lý học của thanh, hiền, chư tử bên Tàu.

Học-thuyết tư-tưởng nước Tàu (N. P, juin — décembre 1931) Tiên sinh chọn dịch những bài ôn hòa trong tập văn *Ẩm-băng* của Lương Khải-Siêu, một nhà học-giả trứ danh Trung-hoa cận đại.

Ấy là chưa kể những món dịch linh tinh trên tờ Nam-Phong như ít chuyện trong *Liêu-trai* chẳng hạn (*truyện chàng Đại-nam*, N.P. số 9 ; *Hoắc-nữ*, N. P. số 38 ; v.v).

Về phương diện hán-việt trong nhóm Nam-Phong, ngoài ông Tùng - Vân Nguyễn Đôn - Phục, Đông-Châu tiên-sinh thật đã đem cái sở học làm « hồn đa gốc nhà » mà « kê » cho « hoa » tạp chí ấy.

◆

Nhất sinh, tiên-sinh chú trọng về dịch-thuật, ít có sáng-tác, nên nay khó bởi đâu mà nhận thức được tư-tưởng, khuynh-hướng và chủ-trương của tiên-sinh.

Dầu vậy, cố nhặt lượm trong những lời *cẩn chí*, hoặc bài dề *tựa* tản-mát các nơi, ta có thể nhận thấy trong tiên-sinh mấy điểm này :

1. Đông - Châu đối với quốc-sử và phong dao. — Đặt mấy lời làm « mũ » cho bài *Việt - Nam phong - sử* của ông Nguyễn Văn - Mại, Đông - Châu tiên-sinh viết : « *Quốc-sử là cái gương phong-tục, chính-trị, thổ-địa, nhân-dân, triều-đại của tổ-quốc ta, mà những lời phong-dao chính là tinh-thần trong quốc-sử, để người ta soi chung mà làm giám giới về sau...* ». Như vậy, tiên - sinh cũng giống nhiều nhà nho khác, nhìn sử-ký bằng con mắt chủ-quan, muốn dùng nó làm bài học luân-lý cho người đọc sử. Tiên-sinh lại thừa-nhận các câu phong-dao là có quan-hệ mật-thiết với quốc-sử ; nếu người ta chỉ đọc quốc-sử mà không biết đến phong-dao thì chưa đủ. Vậy tiên-sinh lại thêm: «...*Phong-dao nước ta thường hay tan-mạn ở ngoài quốc-sử, chưa có ai biên-tập lại mà so-sánh với quốc-sử, và kê-cứu cho tường sự-tích. Vậy đọc quốc-sử mà không xét đến phong-dao thời có khi còn khuyết-điểm nhiều...*» (N.P. số 41, Novembre 1920).

2. Đông-Châu đối với văn thơ nôm. — Trong bài tựa *Cô-xúy nguyên-âm* (1) ra năm 1916, tiên-sinh có viết : « «*Văn chương là một bức gấm đại-hồng, thêu-dệt các giọng thanh-âm trong một nước cho nên vằn nên vẻ ; mà lại là một bức tranh tạo-chân vẽ vời tình tình con người ta ra cho như thực như in...*» Rồi tiên - sinh gửi hi-vọng vào các bạn hậu-tiến : « ...*may ra trong đám cảm-đan thi xã các bậc thiếu-niên sau này, có thể nhân đó mà thêu dệt, mà vẽ vời làm cho văn-chương tổ-quốc ta có ngay thắm như gấm, tươi như hoa, mới thực là bức tranh truyền-thần ! mới thực là một bức thêu tuyệt diệu* » !

Ấy chính vì muốn cho « văn-chương tổ-quốc » được như gấm hoa, muốn cho « các bậc thiếu-niên » thêu hoa, dệt gấm, làm phong-phú đẹp đẽ cho nền văn-học Việt-nam, nên tiên-sinh đã giúp họ một thứ lợi-khí để họ cầm nắm : cuốn *Cô xúy nguyên âm* do tiên-sinh biên-tập. Trong đó chia ra từng mục : *thi, phú, tình-nghĩa, văn-sách, ca-từ, văn-thư* và *đối-liên*. Rồi, cứ trên mỗi mục, lại kể rõ luật cách các lối và có dẫn thí-dụ.

Đến nay, thời-gian đã trả lời : người gieo « nhân » đó không phải không có « kết quả ».

3. Đông-Châu đối với nho học. — Đồng chí với ông Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục, Đông-Châu tiên-sinh có cộng-tác trong hai dịch-phẩm : *Mạnh-tử quốc-văn giải-thích* (2) và *Luận-ngữ quốc-văn giải-thích* (3).

Lời *cẩn-chí* ở đầu bộ *M. T. Q V. G. T.* tuy chỉ đề trông hai chữ « dịch-giả », nhưng ta cũng có thể cho những lời phát biểu ấy là do hai dịch-giả, Đông-Châu và Tùng-Vân, đồng tình viết ra. Vậy nay có thể nhân bài *cẩn-chí* ấy mà xét ý-chí của Đông-Châu tiên-sinh đối với nho-học.

Bài ấy có viết : « *Cái thời-kỳ giáo-dục của dân-tộc ta ngày nay, là cái thời-kỳ nên xu-hướng về quốc-văn, sách này .. cốt là lột lấy tinh-thần trong chữ nho ra mà truyền sang chữ quốc-ngữ, khiến cho những người muốn cầu lấy đạo của thanh hiền, chỉ cầu ở trong văn quốc-ngữ cũng đã có thể lĩnh hội được...*» Thế là ý dịch-giả muốn lấy quốc-văn làm lợi-khí để truyền bá thánh kinh hiền truyện mà dịch-giả cho là « có quan-hệ và có lợi-ích cho dân-tộc ta ».

Cái hoài-bão ấy, tiên-sinh cùng với ông Tùng-Vân muốn làm thực-hiện ở trong hai dịch-phẩm *Mạnh-tử* và *Luận-ngữ*, nên đã nói : « ...*muốn làm cho rạng tỏ cái mảnh gương nho-giáo bằng quốc-văn trong muôn phần họa được một vài phần nào chăng.* » (lời *cẩn-chí* trong *M. T. Q V. G. T.*)

4. Đông - Châu đối với phật-học. — Về lúc tuổi già, tiên-sinh có kê-cứu phật-học và nhiệt-tâm giúp hội Phật-giáo. Nhân đôi câu đối di bút của tiên-sinh đây, ta lại biết thêm được chỗ tiên sinh đối với phật-học và nhân-sinh-quan :

1 — Nhân giai lạc kỳ sinh, bất tri sinh lai đồ thụ trầm luân, thời vi Ba tuần sở triền nhiễu, thời vi hạo kiếp sở tiêu ma, thiết vũ kim phong, chủng loại hựu hỗ tương khuynh loát.

2 — Ngã bất ủy kỳ tử, thùy giác tử hậu tự nhiên siêu thoát, hoặc hóa vi liên sinh bảo trì, hoặc thác vi hạc qui hoa biên, thiên cao hải khoát, lạc bang vô xứ bất tiêu dao.

Nghĩa :

Người ta đều thích sống, nhưng nào có biết xưa nay người sinh ở đời chỉ phải chịu trầm-luân : lúc bị con ma Ba-tuần (4) khuấy rối, lúc bị hạo-kiếp làm cho mòn-mỏi ê-chề, lại dồn-dập nào những trận mưa gang, bão thép, đông loại mà vẫn xô sát tàn hại lẫn nhau !

Tôi không sợ cái chết đâu. Mấy ai tỉnh biết rằng sau khi qua đời, thì tự-nhiên được giải-thoát mà siêu thăng, hoặc hóa làm đóa hoa sen mọc trong cái hồ quý-báu, hoặc hóa làm con hạc bay về cột hoa, thăm thành-quách nhân dân, bấy giờ biển rộng, trời cao, tha hồ tiêu dao ở nơi cực-lạc.

Đó là những tiếng phản-ứng của thời đại ! Tiên-sinh — theo tư-tưởng Thiền-gia — chỉ là một chúng-sinh sống trong biển khổ. Bấy lâu thấy, nghe những chuyện nhân-loại say hút khói bom, thuốc súng, hằng ngày dầy nhau hàng nghìn, hàng vạn mạng người vào lò sát sinh, tiên-sinh sẵn ôm mối bi-quan đối với nhân-sinh, rất dễ từ bực cửa « phiếm ái » và « đại-đồng » của nhà Nho bước sang « Hóa-thành » của nhà Pháp. Rồi, với lòng từ-mẫn, tiên-sinh cảm thương thân mình và mọi người ở cõi Sa-bà như mình ! Bấy giờ tiên sinh mới nảy cái tư-tưởng yếm-thế, muốn tìm hạnh-phúc trong lý-tưởng, tiêu-dao ở nơi Lạc-thổ, cũng như bên Gia-giáo, người ta hi-vọng lên Thiên-đường, vào Paradis, đến vườn Eden, ngồi trong lòng Áp-ra-ham chẳng hạn.

Nhưng cái mơ-ước muốn làm *sen*, làm *hạc* ấy, tiên-sinh chẳng những chịu ảnh - hưởng của Phật, của Nho, mà cũng đã nhích gần đến chỗ khoáng-đạt của Uy-viễn tướng-quân Nguyễn Công-Trứ :

« *Kiếp sau, xin chớ làm người,*
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo ! »

◆

Thì ngày 14 Novembre 1941, Đông-Châu tiên-sinh qua đã siêu thoát, đi tìm cái thú làm *sen*, làm *hạc* ở thế-giới khác, bỏ lại

SONG-CÔI

xem tiếp trang 16

1) Cuốn thứ nhất xuất bản năm 1916, cuốn thứ nhì, 1918, đều in tại Đông-Kinh ấn-quán, Hà-nội.

2) Editions Trung-Bắc tân-văn Hà-nội 1932

3) Xuất bản năm 1935, Hà-nội.

4) Ba-tuần là một ác ma trong đạo Phật cũng như quỉ Satan trong đạo Cơ đốc.

Trên đài kỷ-niệm văn-hóa việt-nam

Nhà văn Đông-Châu mới tạ thế !

Cuộc rước đuốc Angkor - Hanoi

Tiếp theo trang 9

đến sân vận-động. Dọc đường, có các lực-sĩ theo để giữ cho ngọn đuốc khỏi tắt. Khi đến sân vận-động thì bắt đầu khai-mạc hội vận-động.

Đại-khái hồi ấy có các trò chơi như: chạy chân không, chạy chân có đeo đồ binh khí, thi xe bốn ngựa, thi ngựa (khi về đến đích, người nhất phải nhảy xuống mà nhận giải) nhảy dài, ném đĩa, vật tay, đấu quyền, vừa vật vừa đấu quyền (pancraces) vân vân.

Những ngày hội thể-thao là có ý tôn-trọng thần-minh, nên đem sức khỏe và đẹp của nhân-loại mà tận hiến cho thần-minh. Vì thế, khi gặp kỳ hội, các nước dù đang bận-rộn trong vòng chiến-tranh cũng đình chiến để mở hội.

Những lực-sĩ được thưởng về các ngày hội thể-thao tuy chỉ được một vòng hoa « lauriers » hay « oliviers », một cái ghế, nhưng khi trở về, được dân-chúng đón rước rất long trọng, được dựng tượng kỷ-niệm và các thi-sĩ thi nhau làm thơ để xưng tụng. Rồi từ đấy, sẽ được suốt tỉnh kính trọng, vì đã làm vẻ vang cho hàng tỉnh.

Vì ưa chuộng thể-thao như thế, nên dân Hi-lạp có một đạo binh rất mạnh.

Trong hồi quân Ba-tư kéo sang đánh Hi-lạp, (theo sử-gia Hi-lạp) có đến 2 triệu 6 trăm ngàn người (2 600.000), lại thêm chiến thuyền vây đặc cả các eo bể, dân Hi-lạp chỉ có một ít quân độ 7 ngàn người (7.000) thế mà đại thắng Ba-tư trong các trận còn ghi ở lịch-sử, như trận Marathon năm 490 trước Thiên-chúa do tướng Miltiade chỉ huy, trận thủy chiến Salamine năm 480 trước Thiên-chúa do tướng Thémistocle chỉ huy và oanh liệt nhất là việc tuẫn tiết của ba trăm (300) quân xứ Tư-ba-đạt và vua xứ ấy là Léonidas ở Nhiệt-thủy-môn (Thermopyles) mùa xuân năm 480 trước Thiên-chúa.

Cho hay tinh thần thượng võ rất cần cho lúc quốc-gia đa sự. Để kết luận, tôi xin tặng các bạn thanh-niên xứ này mấy vần thơ của bạn Trung-Phương:

Bao năm giời trong giấc ngủ triền miên,
Phải thức dậy mà tiến lên, bạn trẻ!
Và hăng-hái mừng vui ngày sống khỏe:
Ngày vinh quang mạnh mẽ của đời ta.
Hỡi thanh niên hết thảy nước Nam nhà!
Ta hãy hát một bài ca hùng mạnh.

Hoa-Nam PHAN-KỲ-NÔNG

Lê Văn-Lăng (?-1811)

LÊ Văn-Lăng tức là De Forçant (hay Forçanz), người nước Pháp về miền Basse Bretagne, cũng sang phò giúp chúa Nguyễn Ánh vào hồi năm Kỷ-dậu (1789) cùng một hồi với bọn Olivier (ông Tín) và Vannier (Văn-Chấn). Ông làm quản tàu *Bằng-phi* có 26 đại bác, thụ chức khâm sai thuộc nội Cai cơ, sau được thăng đến Chưởng cơ, tước Lăng trực hầu.

Mấy trận đại chiến với thủy sư Tây sơn năm Tân dậu (1801) ở cửa Thi nại và ở trong sông Huế đều có De Forçant dự chiến. Có trận, riêng một mình Lê văn Lăng với chiếc *Bằng phi* đã đốt cháy một lúc 7 chiến thuyền của quân địch. Chính Forçant là người đứng quản đốc đóng những tàu chiến cho chúa Nguyễn Ánh theo kiểu Âu tây mà tàu bằng phi đây cũng là do De Forçant đóng vậy.

Những khi giao chiến cùng quân địch, bao giờ *Phi bằng* cũng đi trước và các thuyền chiến khác của ta thì theo sau, đánh đâu được đấy.

Thời bấy giờ ta quen gọi De Forçant là *ông chủ tàu Bằng* hay là Lê văn Lăng. Song, về phần ông, ông lại theo họ, ông quản tàu Long và tàu Phụng, tự ý lấy theo họ Nguyễn, nên ký tên trong các sớ tấu đều xưng là: « . . . *Khâm sai thuộc nội Chưởng cơ thần Nguyễn văn Lăng.* . »

De Forçant lấy vợ ở Phủ Cam là Hồ thị Nươn (1). Theo sách chép, thì chỉ thấy tên ba người con trai là Nguyễn văn Của, Nguyễn văn Vinh và Nguyễn văn Nhỏ, song Vinh và Nhỏ đều mất sớm.

De Forçant mất tại Bảo vinh (Huế) năm 1811, ở gần nhà Nguyễn văn Chấn là Philippe Vannier. Đức Cao hoàng ủy cho đức thầy Labartette (2) trông nom cho lũ con mồ côi của Lê văn Lăng.

Mộ De Forçant nay cũng còn ở Phủ Tú gần Huế mà trước kia cứ tưởng lầm là mộ Vannier.

NGUYỄN TRIỆU

1) Chi em với Hồ thị Huê, vợ J. B. Chaigneau.

2) H. Cosserat viết trong B. A. V. H. 1917, p. 189 chép là Mgr Labartette, song L. E. Louve, Mgr d'Adran, p. 297, thì chép là Mgr Véren.

Buổi diễn kịch tối 15 Novembre 1941 tại nhà hát tây Hanoi giúp Bình Dân Phạn-Điếm đã được kết quả mỹ-mãn, một phần nhớn nhờ tấm lòng tốt của các nhà từ-thiện. Bán hội xin cảm-tạ và kính mời các ngài hồi 5 giờ chiều 24 Novembre 1941 xuống chứng-kiến ngày mở cửa Bình Dân Phạn Điếm do quan Toàn-quyền chủ-tọa.

Hội Hợp-Thiện Bắc-Kỳ *lại cảo*

Công-dụng của chim bồ-câu phi-hành trong chiến-sự

NHẬT-NHAM

XƯA Tô-Vũ nhà Hán sang xứ Hung-nô, bị chúa Hung-nô đày ra Bắc-hải. Một hôm vua ngự bắn trong vườn thượng-lâm, bắt được con chim nhạn có giải lụa buộc thư vào chân, mở ra xem thì là bức thư của Tô-Vũ gửi về. Vua Hán bèn sai sứ sang Hung-nô tìm Tô-Vũ.

Như vậy đủ biết, tại Á-đông, từ thượng-cổ thời-đại, người ta đã biết dùng nhạn đưa thư, cho nên thường gọi là *thư nhạn* hay *tin nhạn*.

Nhưng không phải riêng người đông-phương mới biết dùng chim để thông tin, mà từ lâu người tây-phương đã nuôi được giống bồ-câu phi-hành để mang thư-tín đi các nơi.

Trong Kinh-thánh có thuật chuyện Noé là ông tổ nhân-loại, đầu tiên dùng bồ-câu đưa thư.

Tướng La-mã là Antoine, cháu César, trong khi bị vây ở Alexandrie, kinh thành Ai-cập, nhờ có bồ-câu mà có thể thông tin được với quân Đồng-minh ở ngoài trùng-vi.

Tới trung-cổ thời-đại, người tây-phương dùng bồ-câu trong việc giao-dịch.

Vua Henri IV, trong khi Paris bị vây, vẫn giao-thông với ngoài bằng đàn chim bồ-câu phi-hành

Năm 1809, trong khi vua Nã-phá-luân công-kích vào thành Abensberg nước Áo, hai bên đã từng dùng bồ-câu mang công-điệp.

Hồi Pháp-Đức chiến-tranh năm 1870, tại đất Pháp có hàng triệu bồ-câu phi-hành đưa về Paris, nên trong khi kinh-thành bị vây, bộ tư-lệnh vẫn giao-thông với ngoài được.

Năm 1914, ngọn lửa chiến-tranh lan khắp Âu-châu. Sau khi các chiến-tuyến đã dựng, Đồng-minh có nhiều đàn bồ-câu liên-lạc trên mặt trận.

Bất cứ ở trường-hợp nào tuy mưa bom không ngớt, khói đạn mit-mù, chim bồ-câu cũng có thể giúp mang các công-điệp thay cho đường điện-thoại hay điện-tín bị gián-đoạn, thay các dấu hiệu vì khói mù không trông rõ lại thay cho các lực-sĩ không thể xông-pha bom đạn để đem tin đi được. Công-dụng ấy là kết-quả của một công-trình vĩ-đại.

Chim bồ-câu phi-hành như loại chim gáy hay chim bồ-câu ta nuôi trong nhà, nhưng mắt sáng lông mượt và nhiều, có vẻ điềm-tĩnh và nhanh-nhẹn. Chọn được giống tốt đã khó, lại còn phải nuôi cẩn-thận, phải dạy tốn công, mới có kết-quả mỹ-mãn.

Đối với nó, phải dùng đồ-ăn tinh-khiết và hợp thời-tiết ; phải săn-sóc sức khỏe ; phải tắm cho khỏi bọ ; phải đề-phòng chuột, quạ, riều-hâu và bệnh dịch-tả.

Mà phải kiên-nhẫn như thế, có khi đến vài năm, mới tới đích !

Độ hai tháng, bồ câu non đã bắt đầu cất cánh tập bay. Người ta đem đi xa dần dần cách chỗ ở 1 rồi đến 2, 3, 4 cây số, thả cho bay về theo một con chim nhớn dẫn đường. Mỗi lần tập bay, lại cho chim nghỉ 24 giờ. Như vậy, chỉ trong vài tháng, chim đã bay được tới hàng trăm cây số.

Rồi sau, một năm, chim bay đã thạo, đã được xa. Chẳng những cho nó tập bay giữa ban ngày, trong khi đẹp trời cũng như trong khi gió, bão, mưa, lạnh, mà lại cần phải cho tập bay trong đêm tối nữa.

Đã luyện về đủ các phương-diện, bồ câu có thể bay xa và lâu được.

Dưới trời quang, mây tạnh, trên một con đường gần, chim bay nhanh tới 120 cây số một giờ. Nếu gặp thời-tiết thay-đổi, tốc-lực sẽ hạ xuống 90 cây số một giờ.

Một khi phải bay đi xa, chim chỉ qua được 75 cây số một giờ. Mà nếu gặp bão, rông, sương mù, hay mưa, hành-trình sẽ kém đi.

Lại tùy theo thời-tiết mà bồ câu bay cao hay thấp : Khi trời quang-đãng, bay cao 200 đến 300 thước tây. Khi trời vần, mây đen, mưa, bão, hay có gió đông, bắc, chỉ bay cao được từ 110 thước đến 150 thước là cùng.

Khi qua những giải núi cao trùng-trùng điệp-điệp chim bồ-câu, theo thung-lũng, thẳng đường bay, chứ không qua ngọn núi.

Chim bồ-câu rất tiện-dụng trong việc thám-hiểm và thông tin.

Một khi xảy nạn không bay cho các nhà thám-hiểm trên ngọn núi cao, các đoàn hộ-cứu bèn theo vết đi tìm Nhưng trước khi đăng sơn, đã có đàn bồ-câu bay lên cao thám-hiểm. Nếu xem ra có nhiều nỗi trở-ngại, gian-lao, đoàn hộ-cứu thoái-bộ để khỏi phải hi-sinh thêm một ít sinh-mệnh

Hiện nay việc dùng chim đưa thư rất phổ-cập trong thiên-hạ.

Trong hàng-hải-giới cũng như trong giới hàng-không những người coi hải-đăng, các thuyền trải, vân vân, một khi gặp nạn bất kỳ, thường dùng chim đưa tin đến nơi căn-cứ để xin ứng-cứu.

Tại miền biên-giới các nước, nhân-viên do-thám mật báo nhà Thương-chính về những đoàn buôn lậu thuế hay báo các nhà chức-trách về việc chính-trị, thường dùng chim phi-hành vừa nhanh-chóng, vừa kín-đáo, lại không thể sai-xuyễn được.

Xưa, ở Đông-phương, người ta buộc thư vào chân chim bằng giải đỏ làm dấu-hiệu, sau lại cho thư vào hộp đeo ở cổ chim.

Hồi Pháp-Đức chiến-tranh 1870-1871, những công-điệp chụp vào những bản nhựa mỏng, rất nhỏ, quấn rồi cho vào một cái cuống lông, buộc vào đuôi chim, cho mang đi, khiến quân địch vô-tình không khám phá ra được.

Ngày nay, người ta dùng ống sắt nhẹ đựng thư, rồi buộc vào chân chim. Có khi, công-điệp cho vào túi vải sơn, buộc dưới bụng chim bằng giây chun. Tui ấy rộng 6 × 10 phân tây, có thể đựng được, một tờ khổ giấy học-trò. Mỗi phân tây vuông viết được 1200 chữ.

Chim bồ-câu lại còn làm thợ ảnh đi chụp địa-đồ bên địch nữa. Đeo vào cổ, ngay trước ngực chim, một cái máy ảnh nhẹ độ 40 grammes, liệu tính thì-giờ tự bản-doanh tới đất địch, đặt bộ phận lấy ánh sáng cho đúng với hành-trình, rồi cho chim bay đi. Khi chim tới đích, máy ảnh ở trên cao 200 thước tây, tự động ! Thế là đã chụp được địa-thế của địch-quân một cách kín-đáo.

Phi-cơ không thể xuống dưới 1000 thước cao để chụp ảnh mà không cho địch-quân để ý nên chụp địa-thế địch-quân bằng phi-cơ không phải không gặp nhiều nguy-hiểm.

Thế mới biết : Trên mặt địa-cầu này, không một thứ gì là không dùng được ! Chính những cái mà ta coi là thường, là nhỏ-bé, lại có một công-dụng to, nhớn vô-cùng !

NHẬT-NHAM

Nhà văn Đông-Châu

Tiếp theo trang 13

đằng sau những cái nhớ, tiếc, ngậm-ngùi cho làng văn, làng báo chúng ta !

Về phần kẻ viết bài này, đối với tiên-sinh, lại có tình-nghĩ đồng-châu, tiếc rằng không đủ để đi sâu vào chỗ hiểu biết tiên-sinh hơn nữa !

Trước khi dừng bút, tôi xin thuật lại một kỷ-niệm giữa tôi với tiên-sinh, để tỏ lòng ai-điếu một bậc tiền-bối đã có công với quốc-văn không ít.

Cách đây hơn 20 năm, có một lần, tôi theo Gia-tiên-nghiêm vào văn-chỉ hàng huyện Từ-liêm, được tiên-sinh nhìn tôi bằng cặp mắt xanh vì một bài văn vần của tôi, do cha tôi giới-thiệu. Những lời tưởng-lệ của tiên sinh đến nay hãy còn bên tai văng vẳng : « *Cứ làm nhiều đi rồi gửi đăng báo...* ! »

Một cái không ngờ : kẻ ngày trước đã đọc cho tiên-sinh nghe bài thơ đầu-tiên ấy lại chính là người hôm nay cầm bút viết thiên ai-thuật về văn-nghiệp của tiên-sinh !

SONG-CỐI

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Quan Toàn-Quyền Decoux cùng phu-nhân và các nhân-viên trong văn-phòng đã đáp phi-cơ từ Saigon về tới Hanoi sáng 17 Novembre 41.

8 Décembre 41, Hoàng-thượng sẽ ngự giá Bắc-tuần thăm Hội-chợ Hanoi.

Ủy-ban lập nhà Học-xá Đông-dương họp phiên thứ nhất tại phủ Thống-sứ hồi 9 giờ sáng 12 Novembre 1941.

Đến 1er Décembre 41 sẽ mở lớp dạy « nữ khán-hộ » tại trường Nữ-công Học-hội Huế.

Nhân dịp có cuộc rước đuốc thể-thao và đua xe đạp Hanoi—Saigon, sẽ tổ-chức một cuộc thi lấy ảnh đẹp.

Nhân dịp Hội chợ Hà-nội mở từ ngày 30 Novembre đến cuối Décembre 1941, một hội thương mại Nhật định cử ông Harcitksu Taninchi, kỹ sư ở bộ Thương mại và kỹ nghệ Nhật, đến 20 Novembre này sang đây để trưng bày những hàng hóa Nhật và khảo cứu về các sự nhu cầu của Đông dương. Nay mai Nhật sẽ gửi sang độ 7000 các thứ mẫu hàng như đồ gỗ, đồ sắt, đồ điện, đồ chơi, các thứ vải vóc v. v. để trưng bầy tại Hội chợ Hanoi.

QUỐC-TẾ

Đại tướng Huntziger, Tổng trưởng bộ Chiến tranh Pháp, bị nạn máy bay chết, sau khi sang kinh lý Phi-châu lên đường về nước.

Đường Diến điện của Anh sẽ phòng giữ bằng binh-lực.

Trùng-khánh tập-trung nhiều quân lính để giữ Vân-Nam.

Quân Đức đã tiến đánh trên đường Kalinine đến Mac-tư-khoa và thắng-lợi ở đảo Crimée.

Hộp thư

Các ông H. K. lHuế, Khói-Giang Hanoi — Đã nhận được bài. Xin cám ơn.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, Phố hàng Bông, Hanoi

SẮP PHÁT HÀNH

MẸO CHỮ HÁN

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng cần phải xem

Giá 0$35

Các hiệu sách nên viết thư đặt trước từ bây giờ

TIÊN - DU THẮNG - TÍCH

VÂN-THẠCH

HUYỆN Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh vốn là nơi lắm thắng-tích có dấu-vết của tiền-nhân để lại. Tuy thuộc về miền châu-thổ mà thực ra ở xứ Bắc-kỳ đi ngược lên phía bắc, bắt đầu thấy núi từ đây.

Mấy giải núi đất lẫn sỏi đá, cây-cối thưa-thớt, trông xa như liền, như đứt, nhấp-nhô tựa hồ những đợt sóng nổi lên ở chỗ chân trời nhắc cho du-khách biết bao chuyện về lịch-sử. Lại hình-thế mỗi trái núi một khác : cao rộng như Bát-vạn sơn, hùng-vĩ như Nguyệt-hằng sơn, thấp bé như Hồng-vân sơn, chạy vòng tay ngai như Long-khám sơn, Vân-khám sơn, lởm-chởm những đá như Lạn-kha sơn.

Đường đi vào các núi hoặc là đường đất cát pha tiện cho xe tay, xe đạp, hoặc đường đi tắt qua cánh đồng, cũng có chỗ đường lên giốc, xuống giốc quanh co như rắn bò.

Núi Bát-vạn ở về phía đông-bắc là trái núi cao và to nhất trong vùng Tiên-du. Kể phong cảnh không có gì là u-nhã, nhưng hai chữ tên núi khiến ta phải để ý và nhắc cho ta một đoạn về dã-sử.

Tục truyền khi nước ta còn dưới quyền đô-hộ của Tàu, quan thái-thú là Cao-Biền vốn biết thuật phong-thủy (địa-lý) cho chỗ núi này có huyệt lớn muốn trấn-yểm, bèn sai quân nặn tám vạn tháp nhỏ bằng đất có bốn từng, cao độ non một thước ta, rộng một gang, bốn mặt hình cái cửa lại có tượng Phật ngồi, dưới trôn tháp để chừa một lỗ sâu. Đoạn, cất đại-quân mỗi người vác một cái giáo đầu xóc cây tháp rầm-rộ kéo từ thành Đại-la sang Tiên-du. Đến nơi, quân-sĩ theo hiệu-lệnh, đồng-thanh hô câu : « *Thống vận Hoàng-đế* », rồi quăng tháp xuống chân núi. Từ đó núi này thành cái tên Bát-vạn. Hiện nay thổ-dân ở đây đem những thap xem ra còn lành-lặn xây tường miếu thờ Sơn-thần và tương truyền các tháp ấy thiêng lắm, không ai dám lấy mang về nhà. Nghe nói thì cũng biết vậy, chứ xét ra không có gì là sở cứ khiến người ta tin được.

Ngày nay, tang thương biến đổi, các cây tháp còn rải-rác khắp bụi cây đám cỏ hoặc nửa chìm nửa nổi, hoặc sứt gẫy, khiến ta trông thấy phải tự hỏi rằng : « Cao thái-thú khi xưa định bụng yểm huyệt hay muốn mượn những đồ đất này để lưu danh ? »

Liền với núi Bát-vạn là núi Nguyệt-hằng thuộc xã Hồi-bão, tổng Nội-duệ. Thế núi đột-ngột, cảnh núi hùng-vĩ, đỉnh núi về mùa xuân thường có mây mù bao-phủ, nên khi ẩn, khi hiện. Những cây thông cằn-cỗi mọc ở sườn núi theo ngọn gió mát cất tiếng hò-reo làm thành một thứ âm-nhạc lúc bổng, lúc trầm, khiến khách du-lãm nghe thấy tưởng chừng như mình lạc vào nơi tiên-cảnh. Dưới chân núi, các nương chè một màu xanh ngắt trông như những tấm thảm giải chênh-chếch liền nhau. Đôi khi du-khách gặp từng bọn thôn nữ, vai đeo rổ cùng nhau vừa hái chè vừa hát. Trong khoảng tịch-mịch bao-la tiếng hát vọng mãi ra tận đàng xa :

Rủ nhau lên núi hái chè,
Đường đi khuất-khúc những khe cùng đèo.
Quản chi đá mọc treo-leo,
Vui chân ta cố ta trèo, ta lên...

Núi Lan-Kha (1) còn có tên là Phật-tích, thuộc xã Phật-tích tổng Thụ-phúc. Núi này nhiều đá mọc lởm-chởm và cũng lắm hòn hình dạng kỳ-quái. Đọc hai chữ « Lạn-Kha » ta lại nhớ đến sự-tích chàng Vương-Chất chép trong *Hoàng-Việt địa dư chí*. Khi xưa, họ Vương đi kiếm củi, vào núi này, thấy hai ông cụ già ngồi đánh cờ ở gốc cây thông. Ý hẳn họ Vương cũng võ-vẽ đôi ba nước cờ, bèn đặt cây rìu canh mình mà đứng xem ; mải miết đến khi tan cuộc, cúi xuống thì, ôi thôi, rìu đã nát tự bao giờ ! Từ đó núi này mới gọi là núi Lạn-kha lấy nghĩa chữ lạn là nát, kha là rìu. Nay trên đỉnh núi còn một tấm đá vuông vuông rộng bằng hai chiếc chiếu, mặt hơi phẳng, tương truyền là bàn cờ tiên. Trải bao nhiêu năm, vật đổi sao dời, bàn cờ còn đây mà khách đánh cờ cùng anh « chầu dìa » thì đâu tá !

Về sau núi này đổi tên là Phật-tích cũng vì về đời nhà Lý có vị cao-tăng pháp hiệu Chuyết-công hòa thượng, tu-hành đắc đạo, một hôm nhân ngồi nhập-định rồi hóa, thân thể khô đét, kết thành tượng, hiện nay vẫn còn thờ ở chùa Phật-tích.

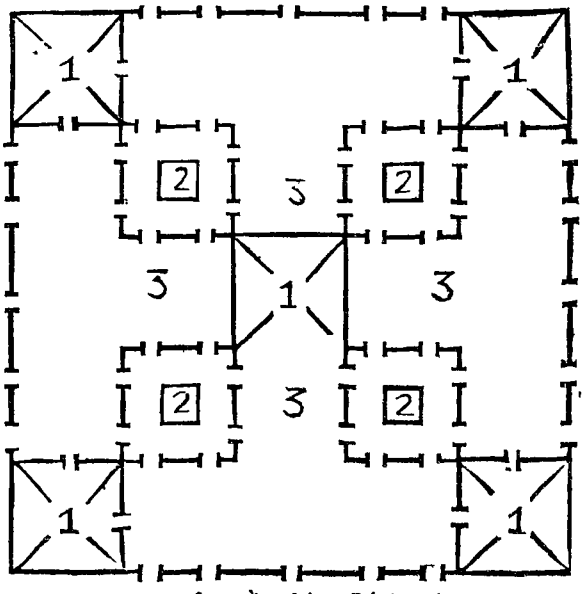

Bản đồ chùa Bách-môn
1— Tam quan. 2— Bể.
3— Tam-bảo.

Ở sườn núi Lạn-kha có chùa Vạn-phúc rất to và cổ, kiến-trúc về thế kỷ thứ 11, khoảng năm Long-thụy thứ tư đời vua Lý-Thánh-Tông (1067) Đời hậu Lê có trùng tu nhưng hiện nay nhiều chỗ đã đổ nát. Chùa này xưa là nơi dưỡng-tâm của vua Thánh-Tông, nên trong chùa còn có chỗ thờ ngài. Trước cửa chùa có mười con giống bằng đá, như voi, ngựa, sấu, nghê chạm trổ rất tỷ mỉ đủ làm chứng cho sự tấn bộ của nền mỹ-thuật việt nam về thời cổ. Và đằng sau chùa lố-nhố những tháp xây bằng đá, đếm được ba bốn mươi cây. Cứ xem quang-cảnh chùa này đủ hiểu về đời Lý, Phật giáo ở nước ta thịnh đến bậc nào!

Chùa Vạn-phúc còn có sự-tích nàng Giáng-Tiên, nhân ngày hội « mẫu-đơn » đến vãng cảnh xem hoa lỡ tay vin gẫy một cành, bị nhà chùa giữ lại bắt đền. May có quan huyện sở tại là Từ-Thức, tính tình hào-hiệp, cởi chiếc áo gấm đưa nhà chùa để chuộc tội cho. Được ít lâu, như chán mùi phú-quí, ghét sự ràng buộc trong vòng danh lợi, Từ tri-huyện liền treo ấn từ quan ngao-du sơn thủy, bạn cùng bầu rượu túi thơ. Rồi một hôm, nhân ra chơi cửa Thần-phù, lạc vào chốn động tiên được kết duyên cùng Giáng-Tiên.

Gần chùa Vạn-phúc có ngôi miếu thờ một bà cung-phi. Cứ như lời các vị cố-lão thì bà phi này húy là Trần Ngọc-Am, vợ chúa Trịnh-Tráng. Tuy ở vào chỗ phú-quí nhưng bà coi cuộc đời như giấc mộng, nên quyết chí tìm thú tiêu dao cửa Phật. Lúc đầu chúa Trịnh còn ngăn - cấm, thậm chí có lần bà sang thăm chúa ở Thăng-long, vì muốn lưu bà ở lại, chúa phải ra lệnh cấm đò ngang Sau thấy bà dốc lòng mộ đạo, chúa cũng chiều ý để cho bà được toại nguyện. Lúc giở về già, bà hóa tại đây và hiện nay trong miếu còn có hai pho tượng bà ngồi : một pho bận lối cung trang và một pho bận lối tu hành. Ở chỗ thờ bà, ký giả thấy có đôi câu đối mô tả được cái tiểu-sử và cái công-đức của bà nhân chép ra đây để độc giả cùng xem :

Đệ nhất cung-tần qui Phật-địa,
Thập tam đình-vũ thử Tiên-hương

Trước miếu có cây tháp đá là nơi chứa di hài của bà.

Núi Hồng-vân thuộc địa-phận ba xã Duệ-đông, Sũng-sơn, Lũng giang, ở ngay gần đường quan-lộ Hà-nội đi Lạng-sơn, cách ga Lim độ non một cây số. Núi này không cao mấy, gọi là đồi thì đúng hơn. Chất đất và đá núi sắc đỏ như son. Khi xưa núi này có nhiều cây lim mọc, nhưng ngày nay gần như núi trọi, lác-đác chỉ thấy mấy nương sắn và vài ba sơn-trang. Ngay chân núi, dưới bóng đa cổ-thụ từng dẫy quán lợp gianh, lợp ngói : đấy là chợ Lim, một nơi buôn bán giao-dịch của dân vùng này.

Trên núi có ngôi chùa cổ qui-mô rộng-rãi, tức là Hồng-vân tự với quả chuông lớn đúc từ đời Cảnh-Hưng. Phía tay trái có một văn-chỉ lớn bê gạch rêu phong là nơi thờ đức Khổng-tử và các tiên-hiền tổng Nội-duệ. Cách chùa không xa, về phía tay mặt, một cái lăng tường đá ong kiên-cố có tấm bia lớn đứng sừng-sững khiến du-khách không thể bỏ qua mà không thăm. Trong lăng đủ voi ngựa, nghê, phỗng cùng sập đá, ngai đá, trông thật trang-nghiêm. Còn người xưa nằm đó là ai ? Xin thưa đó là lăng ngài Hiệu-trung-hầu húy Diễn, người xã Nội-duệ, triều Lê Cảnh-hưng do chân hoạn-quan làm đến chức Thanh-hoa trấn đốc-đồng, nên dân vùng này quen gọi là lăng quan Trấn. Đứng trước cảnh quạnh-hiu của cả một công-trình vĩ-đại, ta không khỏi liên-tưởng đến thời oanh-liệt của Nguyễn tướng-công khi xưa. Vì tướng-công bầu hậu hàng tổng và làm đình cho mấy xã, nên đến 13 tháng giêng, muốn kỷ-niệm công đức, dân tổng Nội-duệ mở hội rất to gọi là hội Lim, hàng năm đã hấp-dẫn được đa-số khách phương xa với cái tục hát quan họ, tương truyền là của ngài Hiệu-trung-hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già.

Thuộc xã Hoài-bão, tức làng Bịu, sở tại huyện Tiên-du, có hai dẫy Long-khám, Vân-khám chạy vòng tay ngai, phân ra tả hữu có đường đi giữa. Trên núi, nấp dưới bóng các cây trám cao ngất, mấy bụi sim với những chùm quả chín mọng ẩn-hiện trong chòm lá xanh. Ở lưng chừng núi Long-khám có chùa Bách-môn tức Linh-cảm tự, kiến-trúc về khoảng Hậu Lê mà người đứng hưng-công là bà Đặng-thị-Huệ, vợ chúa Trịnh-Sâm. Chùa hình chữ điền, bốn góc có bốn cái lầu là gác trống, gác mõ, gác chuông, gác khánh ; chính giữa, một lầu xây cao vượt lên là nơi tam-bảo. Chỗ lầu nọ đến lầu kia đều có nhà đi thông luôn, thành thử bốn mặt đều là cửa, vả hình chùa vuông, nên các cửa đều nhau chằm - chặp, trông mặt nào cũng như mặt nào và vào cửa nào cũng có tam bảo. Một điều đặc sắc là chỉ toàn cửa mà không có cột. Thực ra chùa chỉ có sáu mươi cửa, nhưng vì vào mặt nào cũng thấy những cửa, nên khách thập phương tưởng-tượng như chùa có tới hàng trăm cửa. (Xin xem lại bản đồ chùa Bách môn ở trên thì rõ).

(Viết tại Tiên-du, mùa thu, năm Bảo - đại thứ 14).

VÂN-THẠCH

---

1) Chuyện này tưởng có lẽ là ta bắt chước Tàu. Ở sách *Thuật-dị-ký* có chép rằng : núi Lạn-kha ở huyện Cù-huyện, tỉnh Triết-giang cũng có người kiếm củi tên là Vương-Chất, cũng gặp tiên đánh cờ, cũng ngồi nát rìu như thế. Ở sách *Thủy-kinh-chú* thì lại nói là chàng tiều-phu này ngồi nghe hai đứa trẻ con đánh đàn. Thuở trước, ta theo văn-hóa tàu thì sự bắt chước đó cũng không lấy gì làm lạ, mà chính người tàu cũng bắt chước lẫn nhau, cho nên cái tên núi Lạn-kha và chuyện gặp tiên này còn thấy ở ba nơi nữa là ở tỉnh Hà-nam thì về huyện Tân-an, ở Sơn-tây thì về Tấm-huyện và ở Quảng-đông thì về huyện Cao-yêu.

LƯƠNG THẾ-VINH

NHẬT-NHAM

QUÁN xã Cao-hương tỉnh Nam-định, Lương Thế-Vinh là thần-đồng dưới triều Lê Thánh-Tôn.

Thông-minh vốn sẵn tư trời, học ít, nhớ nhiều, tuổi còn trẻ, ông đã soạn được bộ *Toán-pháp đại-thành* lưu-hành trong nước và còn truyền tới ngày nay.

Thấy Quách Đình-Bảo là người có tiếng học giỏi ở đương-thời, nên một ngày kia, ông hỏi thăm đến nhà để thử tài cao thấp Đến nơi, thấy nói Quách đương xem sách trong thư-phòng, ông coi thường, trở ra về, không vào nhà Quách nữa. Quách được tin, một hôm, cũng thân đến thăm ông xem tài học ra sao. Đến nơi, hỏi người nhà, mới biết ông đương thả diều ở ngoài đồng. Quách thán phục mà rằng: « Kỳ thi sắp tới mà không quan-tâm đến chút nào, thực là một bực kỳ-tài, như nhời đồn không sai ! »

Vì tính ham chơi, một hôm, ông đương cùng trẻ chơi đùa ngoài đường, có một bọn người Tàu đi qua muốn thử tài giống Việt-nam, bèn đào một cái hố sâu độ một thước ta, bỏ quả bưởi xuống, đố lũ trẻ : « Ta cấm không đứa nào được dùng que gắp, thế mà lấy được quả bưởi lên, thì ta sẽ thưởng tiền rất hậu ». Lũ trẻ nghĩ mãi, không biết làm cách nào. Lương bèn xui chúng lấy nước đổ vào hố sâu, tự-nhiên bưởi nổi lên mà trôi ra ngoài. Bọn khách đều chịu là khôn-ngoan, thưởng tiền cho cả lũ trẻ, rồi kéo nhau đi.

Niên-hiệu Quang-thuận (1460-1469), vua Lê Thánh-Tôn mở khoa thi. Lương Thế-Vinh, khi ấy, 22 tuổi, đỗ Trạng-nguyên. Vua ban khen ông có văn-học nẩn-súc. Cùng khoa có Nguyễn Đức-Trinh đỗ Bảng-nhỡn và Quách Đình-Bảo đỗ Thám-hoa. Vua sai chế cờ tam khôi có bốn câu thơ rằng :

« Trạng-nguyên Lương Thế-Vinh,
« Bảng-nhỡn Nguyễn Đức-Trinh,
« Thám-hoa Quách Đình-Bảo,
« Thiên-hạ đều nức danh ».

Sinh vào đời thái-bình thịnh-trị, tuổi trẻ đỗ đến Trạng-nguyên, thực là một thiên-tài ít có ở thời bấy giờ.

Sơ-bổ Hàn-lâm Trực-học-sĩ quyền Cấp-sự-trung, ông một tay soạn hết cả bao nhiêu công-văn ở đương thời. Văn-chương lừng-lẫy trong nước, tiếng vang cả ra ngoài cõi. Vua nhà Minh khen nước Nam không hiếm nhân-tài, thực không phải quá đáng !

Niên-hiệu Hồng-đức (1470-1497), Lương được thăng Hàn-lâm Thị-trung Trưởng-viện kiêm chức Tú-lâm-cục ở quán Chiêu-văn ; sau lại được dự vào Sái-phu ở Tao-đàn, hiệu là Thụy-hiên.

Văn-chương quán thế, ngôn-ngữ lại hoạt-bát, tính thích vui-vẻ, ông không ưa phù-hoa văn-sức, lại ghét sự bất công.

Khi về trí-sĩ, thường mặc áo vải, ăn cơm rau, giao-du với người cùng làng, không phân giai-cấp, nên ai ai cũng đều mến phục.

Một hôm, Lương cùng người làng ngồi trong một cái quán rìa đường, chợt có quan huyện bảnh-bạt trảy qua. Quan huyện vốn có tiếng hách-dịch, nên ông bảo mọi người lánh đi, để mình ông trong quán. Quan huyện đến nơi, truyền cho lính bắt phu khiêng cáng Lính thấy ông ngồi đấy, liền tóm ngay. Ông vui lòng, ghé vai khiêng võng cho quan huyện. Đi được một quãng, gặp người quen, ông bèn nhắn rằng : « Tôi nhờ bác bảo anh Thám-hoa làng Vân-cát gửi cho tôi vay ít tiền để tôi thuê người khiêng võng quan huyện. Tôi đã già, sức yếu, chân chậm mà tiền không có để thuê người đi thay. Vậy bác hộ tôi nhé ! »

Ông Thám-hoa làng Vân-cát nguyên là học-trò Lương Thế-Vinh, cho nên quan huyện nằm trên võng biết ngay là Lương, vội-vàng nhảy xuống đất, sợ thất thần, vừa run, vừa van lạy xin lỗi. Lương sẵn lòng tha thứ và răn bảo không nên cậy quyền-thế mà hống-hách với công-chúng. Quan huyện nài-xin khiêng Lương về chỗ cũ ; Lương không nghe, lại đi bộ trở về làng.

Lương Thế-Vinh thích kê-cứu về đạo Phật, có soạn nhiều kinh Phật, vì thế nên không được tòng-tự tại Văn-miếu.

Sau khi mất, vua phong làm Thượng-đẳng Phúc-thần, hằng năm hương khói không rời.

NHẬT-NHAM

Thống chế Pétain đã nói

« Đối với những ai ngày « nay đang đợi sự cứu-vãn « Pháp Quốc, tôi xin nhắc « rằng sự cứu-vãn đó ở « trong tay họ trước tiên ».

Nói thêm về

Ông Nghè 13 tuổi: TRỊNH HOA-ĐƯỜNG

Viết bài « Trịnh Hoa Đường » (T.T. số 20), bạn Nhật-nham thuật theo lời một vị lão-thành kể tại. Đó là một tài liệu sống. Sau khi bài ấy ra, Tri-Tân nhận được bài dưới đây của bạn Long-Điền nói thêm về chuyện ấy. Vậy xin lục đăng cho rộng thêm phần kê - cứu. — T. T.

TRONG Tri-Tân số 20 ra ngày 24-10-41, ông Nhật-Nham có bài nói về ông Trịnh Hoa-Đường, người làng Phù - đồng, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh đỗ Tiến-sĩ năm 13 tuổi về thời Minh-mệnh.

Chúng tôi đọc bài đó thấy có mấy chỗ ngờ, nên xin cùng bàn với Nhật-nham tiên-sinh.

1. Mười ba tuổi đỗ Tiến-sĩ. — Theo chỗ chúng tôi khảo ở sách « Quốc-triều Hương-khoa lục », thì ông Trịnh Hoa - Đường đỗ Hương-cống (1) khoa Kỷ-mão (1819) đời Gia-long thứ 18 ở trường Thăng-long.

Triều Nguyễn, mãi đến năm Minh mệnh thứ 3, Nhâm-ngọ (1822), mới mở ân-khoa (2) thi hội. Khoa thi hôi đó là khoa thi đầu tiên của nhà Nguyễn.

Nói ông Trịnh Hoa-Đường đỗ Tiến-sĩ năm 13 tuổi thì tất năm lên 10 tuổi đã đỗ Hương-cống. Lên 10 tuổi đỗ được Hương-cống, e sớm quá. Vậy có lẽ ông đỗ Hương-cống năm lên 13, rồi 3 năm sau, tức là năm Nhâm-ngọ (1822) Minh-mệnh thứ 3 có ân khoa thi hội, ông mới đỗ Tiến-sĩ là năm ông đã 16, 17 tuổi.

Xét nước ta, về triều Nguyễn, có ông Nguyễn-Quan-Hải, người làng Hải-thiên (sau Hải-yến), Tiên lữ, tỉnh Hưng-yên, mới 12 tuổi đậu Cử-nhân khoa Giáp-tý (1864) năm Tự-đức thứ 17, là người đỗ sớm. Khoa ấy cụ Trần-Hy-Tăng đỗ Thủ-khoa trường Nam-định.

2. Mới đỗ đã được bổ tuần phủ. — Ông Nhật-Nham chép : khi ông Trịnh-Hoa-Đường mới đỗ, vua Minh - mệnh thấy người tuổi trẻ tài cao, rất kính-ái, vời vào cung ban yến, cho đặc ân nằm cùng ngự-tháp một đêm, lúc vinh - qui lại cầm tay bảo rằng : «Trẫm ân-hận không được sớm gặp khanh, công - việc cai trị Hà-tiên, trẫm ủy - thác vào khanh đấy », rồi suy cử làm Tuần-phủ Hà-tiên.

Theo quan-chế nhà Nguyễn, các vị đỗ Tiến-sĩ lúc mới chỉ được bổ dụng đến Đồng Tri-phủ (tức như Tri-phủ sơ thụ, trên chức Tri-huyện, mà dưới chức thực thụ Tri-phủ). Đến ngay cụ Trần Hy-Tăng, người làng Vị-xuyên (Nam-định), liên trúng tam nguyên, là bực đại tài, thế mà khi đỗ rồi, cũng còn phải vào làm Tham-biện Nội-các, rồi sau mới được bổ Án-sát Bình-định.

3. Ông Trịnh Hoa Đường làm Tuần-phủ Hà-tiên hay An-giang ? (3) — Theo ông Nhật - Nham, thì ông Trịnh-Hoa-Đường làm Tuần-phủ Hà-tiên, rồi vì bị kẻ đồng liêu tiểu-nhân hãm hại mà bị tội xử-giảo. Nhưng theo chúng tôi khảo thấy chưa ở «*Quốc Triều Hương-khoa lục* », thì ông Trịnh Hoa Đường có làm Tuần-phủ tỉnh An-giang (Nam-kỳ), rồi vì thất-thủ thành mà bị cữu.

Việc thất-thủ thành An-giang, chúng tôi chưa khảo được duyên-cớ. Vậy không rõ ông Trịnh Hoa-Đường làm Tuần-phủ Hà-tiên hay An-giang và bị tội ra sao ? Vì, theo chỗ chúng tôi biết, thì quan văn mà để thất-thủ thành trì — theo quân-pháp nhà Nguyễn — chưa đến nỗi bị xử-giảo mà con cháu cũng chưa đến nỗi bị bất đắc lục-dụng và bất đắc ứng-thí. Có chăng chỉ có phạm tội phản-nghịch thì mới bị cực hình như thế.

Long-Điền NGUYỄN-VĂN-MINH

(Theo tài-liệu trong Đại-Nam Lịch Sử Địa-dư Từ-Điển)

---

1) Từ đời Cố - Lê, thi hương, người nào đỗ trên là Hương-cống, tên liệt vào Giáp-bảng ; người đỗ dưới là Sinh-đồ tên liệt vào Ất-bảng. Đến triều Nguyễn vẫn theo chế-độ đó. Đến mãi năm Minh-mệnh thứ 15 (giáp - ngọ 1834) mới cải Hương-cống ra Cử-nhân, Sinh-đồ ra Tú-tài.

2) Ân-khoa là khoa thi đặc-biệt, bất thần nhà vua xuống chiếu, mở khoa thi. Theo lệ thường, cứ ba năm một khoa, gọi là chính-khoa : thi hương thì vào năm tý, ngọ, mão, dậu ; thi hội thì vào năm thìn, tuất, sửu, mùi. Còn ân-khoa thì mở ngoài những năm kể trên, như ân khoa thi hương mở năm Tân-tỵ, Minh-mệnh thứ 2 ; ân-khoa thi hội mở năm Nhâm-ngọ, Minh mệnh thứ 3.

3) Trước thời Tây-thuộc, Nam-kỳ chia ra 6 tỉnh : Gia-định, Biên-hòa, Định - tường, Vĩnh-long, Hà- tiên, An-giang. Sau thời Tây-thuộc, mới chia ra làm 20 tỉnh

HUYỀN-TRÂN CÔNG-CHÚA

(Truyện lịch-sử bằng thơ)

SỐ 3

NGUYỄN ĐAN-TÂM viết

Lại ban quốc-tính họ Trần, (1)
Bến Triều mây gió một lần bay cao!
Thuyền rồng vươn mái chèo gạt sóng,
Điêu sinh ca đồng vọng non xanh.
Thao-thao giòng nước sông Kinh,
Phù-sa soi bóng cá kình năm xưa.
Trên cành tre, thước đưa tin mách,
Dịp đá xanh ngang lạch suối trong.
Khoan-thai nhấc vó ngựa hồng,
Lúa reo, dìu-dịu hương nồng thoảng bay...

Mỗi sớm mai như say ánh sáng,
Cả đồng quê rung tiếng nhạc phi.
Vó câu đan bóng ngàn tre,
Anh-hùng lướt gió, con đê chạy dài.
Đôi cò trắng tung đôi cánh trắng,
Mây hồng vương bảng-lảng non Yên.
Ai đem nét bút thần-tiên
Tô màu son phấn lên trên lúa vàng!
Mầm đất dậy, xốn-xang ngọn cỏ,
Mạch nước lên, sóng đỏ tràn dâng.
Ngắm trông giải đất Hà-tràng,
Thấp cao trùng điệp, thênh-thang cõi bờ.
Dẫy Hiệp-sơn cảnh là phượng đậu,
Giòng Kinh-giang uốn-éo rồng bay.
Non sông gấm vóc nào tầy,
Phải chăng là để đợi tay anh-hùng?
Lòng sông nọ sâu, nông ai biết,
Núi đo sao chỉ quyết hồn trai!
Cười lên một tiếng vang trời:
Thành xây, lũy đắp, hào soi, thuyền bày.
Quân thủy-chiến quen tay huấn-luyện,
Đoàn bộ binh cung, tiễn, lược thao?

Ngọn cờ ai dựng đài cao,
Ba quân rộn-rã, tiệc khao, trống rền?
Tài trí ấy đã nên danh-vọng,
Ai ngờ đâu huyền-mộng cao-xa!
Ngai vàng đường bệ vua cha,
Chẳng phò tận hiếu, chẳng thờ tận trung.
Còn mong chiếm-cứ nhất hùng...,
Thâm-khuê công-chúa cực lòng nỉ-non:
« Xin cho vẹn đạo thần-hôn,
Mệnh trời nào tựa lòng con vô-nghĩ! »
Trượng-phu vẫn gan lì sắt đá,
Lau lệ nàng, ha hả cười vang:
« Khanh ơi! đừng tưởng ngai vàng
Dưới trời là chuyện khó-khăn nhọc lòng!
Có những kẻ tài không, trí rỗng,
Gió tinh-cờ đưa bổng mây cao.
Đã mang lấy tiếng anh-hào,
Khanh ơi! phú quí ta nào mảng chi.
Đời ta đã bỏ đi mấy bận,
Chỉ vì khanh lận-đận chưa xong.
Đang tay nâng chiếc ngai rồng
Là toan mời... Hậu ngồi trong ngôi trời. »

Nhưng ngôi trời phải nơi địa-vị
Của Huyền-Trân ngự-trị muôn dân?
Mấy người nhân định thắng thiên,
Mấy người tài cả mà nghiêng nổi trời!

Tin xao-động đến tai Hoàng-phụ,
Cáo lộng hành đã có sớ tâu.
Phái binh thẳng tới bến Triều,
Ngự-lâm-quân đã đóng đầu sông kia.
Tiếng quân hò đêm khuya vang dội.
Lòng Khắc-Chung như sủi nước reo.

1) Trần Khắc-Chung nguyên là người họ Đỗ

Một toan chống với ba đào,
Nhưng Huyền-Trân suối lệ dào như mưa!
Lệ nhi-nữ nhỏ sa từng giọt,
Lòng anh-hùng từng phút thấm đau!

Đành trong giữa quãng đêm sâu,
Cá kình vượt sóng, sông sầu rẽ đôi.
Lên ba quân, người bơi về tận
Cảnh Hang Son, quyết lần vào cung.
Trôm pho tượng phật, tay bồng,
Một tay vùng-vẫy theo giòng nước xuôi.
Bao cờ quạt thả trôi theo sóng,
Bao nhung-y chất đống hỏa thiêu.
Kiếm cung, dao kéo gọt đầu
Ba quân phút chốc nhuộm màu chư tăng,
Rồi mõ đâu đã văng-vẳng tiếng,
Một đại doanh phút biến am thiền.
Vua cha rất đỗi ngạc nhiên,
Rằng: «Con đã chán trần-duyên những ngày.
Sớm khuya lòng đã say tiếng kệ,
Cầu song thân thánh-thể an-khang.
Ơn vua đeo quả ấn vàng,
Móc mưa đã đủ, cúi dâng trả người...»
Ngọn bạch-lạp đêm dài hiu-hắt,
Tay lần đưa chuỗi hạt trân-châu,
Tòa sen cao chín từng cao,
Mắt nhìn hương cuốn, miệng cầu lâm-râm.
Chén trà-thang thanh tâm nhấp giọng,
Lời nam-vô trầm bổng canh khuya.
Xưa sao gấm vóc lụa là,
Giờ sao áo vải nâu già năm thân!
Vẻ ngọc vẫn trắng ngần trong giá,
Nét đơn-sơ một đóa khoe tươi.
Gió xuân phong kín nụ cười,
Giữa vườn hoang-dã một trời hương bay!
Nhan-sắc nọ từ nơi thượng-uyển,
Nước cành dương đã bén nhị tơ.
Lửa duyên tắt tự bao giờ,
Đường đời gai-góc, gió mưa, cát lầm...
Bờ chính-giác, chân-tâm bát-nhã
Vắng-vặc soi trùm cả thinh-không...
— Phù-sinh sắc sắc, không không!
Tu trì huân-đúc cố công một niềm.

Đêm ấy, bến Triều im-lặng gió,
Lần trăng suông dịp mõ gieo khuya.
Tre già mấy ngọn đu đưa,
Êm-êm vẫn tiếng sư bà tụng kinh.
Trời rộng mở, không-thanh nhè-nhẹ,
Mây mờ bay lẻ-tẻ sao im,
Loanh-quanh đèo cát, dặm ngàn,
Hành-nhân có kẻ bước chân ven đồi.
Gậy trúc-hóa khoan-thai lần chống,
Màu nâu-sồng vẽ bóng thiền-gia.
Trán cao in ánh trăng ngà,
Mắt xanh sầu thẳm nhìn xa cuối trời.
Bỗng cất tiếng thở dài, ngẩng mặt
Nhìn lên cao cao ngất từng mây.
Đại-bằng giam trái đất này,
Chẳng cho đôi cánh tung bay tột vời!
Buộc trí lớn vào nơi trần-thế,
Vẽ chi vòng hệ-lụy đa đoan.
Vẫy vùng trong cõi doanh-hoàn,
Quyền nghiêng thiên-hạ còn toan nghiêng trời.
Bao thành bại đã vơi hồ lệ,
Gọi thiên-công hỏi lẽ huyền-vi.
Non xanh kia vẫn xanh rì,
Nước tuôn trắng rẫy nước đi không về.
Tìm dưới gốc bồ-đề tĩnh tọa,
Theo Như-Lai Phật-tổ định-thân.
Trần-gian khổ-hải, mê-tân,
Sao cho giải thoát nghiệp căn nặng-nề!
Nhưng nơi đây bồ-đề chẳng có,
Đồi trơ-vơ đầy cỏ thanh-hao...
Nặng muôn vọng-tưởng trần-lao,
Sông Ngân hồ dễ bắc cầu cho qua.
Ngoài vũ-trụ bao-la tinh-tú,
Hãy cho người tạm trú lòng đau.
Dừng chân, ôm gối bên đèo,
Lắng nghe nhịp suối Ngà reo bạt ngàn,
Lòng lắng theo không-gian vời-vợi,
Hồn cô-đơn lạc lối mây xa...

Vẳng đưa vẫn giọng sư bà,
Thanh-thanh tiếng kiểng đan thêu tiếng chầy
Tre lả ngọn, bóng gầy xơ-xác,
Rặng cổ-thành hiu-hắt gió đưa,
Thành xưa đã vắng bóng cờ,
Kêu sương tiếng vạc bay qua bãi lầy...

(Hết)

NGUYỄN ĐAN-TÂM

Trở lại vấn-đề đọc sách, báo

Tiếp theo trang 2

theo hệ-thống-hóa, trật-tự-hóa và hợp-lý-hóa, thì ta sẽ được nhẹ mình và đỡ tốn thì-giờ. Chắp-nhặt những phút rảnh, giờ nhàn dùng để đọc sách, báo, ta sẽ được ích lợi vô hạn.

Một bà nữ học-giả có nói với tôi : « Những người biết lợi-dụng thì-giờ thì bất cứ ở đâu và lúc nào cũng có thể học được. Trong khi đợi xe lửa, chờ xe điện hay ô-tô, người ta cũng có thể học dần một thứ sinh-ngữ, mặc dầu mình đã lớn tuổi. »

Giáo-sư C. W. Eliot khuyên rằng : « Người nào nếu gây được cái tập-quán, cứ mỗi ngày bớt ra lấy mươi phút mà đọc sách thì, 20 năm sau, trình-độ trí-thức của người ấy tất khác hẳn : trước sau như hai người vậy. Chỉ có điều cần là những sách đọc ấy phải là sách tốt cả mới được. Sách tốt phải là những tác-phẩm trứ-danh mà nhiều người trên thế-giới đã công-nhận, bất cứ là tiểu-thuyết, thi-ca, lịch-sử, truyện-ký và các loại khác...»

Nhà học-giả O. S. Marden có thí-dụ này kể cũng hay-hay : « Một gia-đình không có sách-vở báo-chí, khác nào một căn nhà không có cửa sổ... ! »

Phải, một căn nhà không có cửa thông-đạt thì tất tối-tăm kín mít, không thấy cái gì cả !

Một gia-đình không có sách báo để làm món ăn tinh-thần, thì gia-đình ấy tất u-ám ngu-si khác nào người nhìn bức vách, còn có kiến-văn gì nữa !

Thời-đại xưa, mua sách, báo, là một món «xa-xỉ », ít nhà có thể thực-hành được. Nay khác : mua sách báo, là một món sinh-hoạt rất cần, không nhà nào có thể thiếu được.

Ta phải tiến theo thời-gian ! Phải chăm lo món nuôi thần-trí cũng như ta đã nghĩ đến món nuôi thân-thể cho gia-đình !

HOA-BẰNG

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Nên uống trà

NAM LỘC

Trà NAM-LỘC hương thơm, vị mát, chế rất tinh khiết !

Mua buôn hay giao dịch xin hỏi :

TỔNG CỤC : 83A Phố nhà Rượu — Hanoi
(*Rue Sergent Larrivé*)

PHÂN CỤC : 228 Phố Paul Bert — Nam-định

Hiệu Cự Hương, phố Đông Thị Hải-dương

Các bạn hãy hỏi ở hiệu sách Đông-tây, 195 hàng Bông Hanoi

1·) *ĐỜI TÂI HOA (lịch sử và văn chương cụ thủ khoa Nguyễn-hàm-Ninh) bạn đồng thời với cụ Cao-bá-Quát, Tùng thiện-Vương, giá* 0p,35
2·) *TIẾNG GỌI ĐÀN tập văn luận thuyết của ông cử Dương-bá-Trạc, giá* 0, 30
3·) *NÉT MỰC TÌNH tập t..ơ của ông cử Dương-bá-Trạc giá* 0, 30
4·) *CHIÊM-THÀNH LƯỢC KHẢO của bà Huỳnh-thị-Bảo Hoa giá* 0, 30

1·) *VỊ TIỀN* giá 0p,25
2·) *TRỊNH GIA CHÍNH PHẢ* — 0, 40
3·) *HÙNG YÊN ĐỊA CHÍ* — 0, 80
4·) *BẮC GIANG ĐỊA-CHÍ* — 1, 50
5·) *GƯƠNG LUÂN LÝ* — 0, 15

Đều là những tác phẩm rất có giá trị của ông Nhật-Nham Trịnh-như-Tấu, tham-tá phủ Thống-sứ Hanoi

Mua cả 9 quyển, cước chung là 0p,63 — Mua 1 quyển thêm tiền cước trừ 0p,08 đến 0p,45

SẮP CÓ BÁN Sách của QUỐC HỌC THƯ XÃ

THI NGHỆ

(LƯỢC-LUẬN VỀ THƠ VÀ NGHỆ-THUẬT LÀM THƠ)

Tất cả các bạn làng thơ (cũ và mới), các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ đều phải đọc Thi-Nghệ. Muốn hiểu thơ để yêu thơ hơn, muốn thưởng-thức thơ và tài-nghệ của các nhà thơ cũ như Nguyễn-Du, Yên-Đổ, bà huyện Thanh-Quan... của các nhà thơ mới như Thế-Lữ, Lưu-Trọng-Lư, Thao-Thao v. v. các bạn phải đọc Thi - Nghệ của Vân-Hạc.

ĐƯƠNG IN **TÂM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN**

Tinh-Hoa của ngót 100 bộ kinh, chuyện, kết quả của mấy năm trời khảo-cứu văn-học từ-ngữ, rất nhiều tài-liệu, điển-cố cần biết cho nhà văn, có chua chữ Hán.

Mua sách đặt sách do nơi

M. LÊ-VĂN-HOÈ

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16bis Rue tien - tsin Hanoi

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Ông